



NGUYỄN MINH THUYẾT (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên)
ĐẶNG KIM NGA (đồng Chủ biên) – CHU THỊ THUY AN
ĐỖ THU HÀ – TRẦN MẠNH HƯỜNG – LÊ HỮU TÍNH

Tiếng Việt

3

TẬP HAI

SÁCH GIÁO VIÊN

Cánh Diều



NHÀ XUẤT BẢN
ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP HỒ CHÍ MINH

NGUYỄN MINH THUYẾT (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên)
ĐẶNG KIM NGÀ (đồng Chủ biên)
CHU THỊ THUYỀN AN – ĐỖ THU HÀ – TRẦN MẠNH HƯỜNG

Tiếng Việt

3

TẬP HAI

SÁCH GIÁO VIÊN

Cánh Diều



NHÀ XUẤT BẢN
ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP HỒ CHÍ MINH



CHỦ ĐỀ 3

ĐẤT NƯỚC

BÀI 11: CẢNH ĐẸP NON SÔNG⁽¹⁾

CHIA SẺ VỀ CHỦ ĐIỂM

(10 phút)

1. Học sinh quan sát tranh, trả lời câu hỏi

– GV tổ chức trò chơi *Ô cửa bí mật*. Có 4 ô cửa, mỗi ô cửa có 1 bức ảnh và 1 câu đố. Cả lớp đọc câu đố ở từng ô cửa. 4 HS tiếp nối nhau, mỗi HS chọn 1 ô cửa, giải câu đố. Sau khi mỗi câu đố được giải, ô cửa tương ứng được mở, đáp án hiện ra (đáp án là 1 trong các từ ngữ: *Thành phố Hồ Chí Minh, Hồ Gươm, Đà Lạt, núi Phan Xi Păng*). Cả lớp vỗ tay hoan hô, nếu bạn giải đúng câu đố. Nếu HS giải chưa đúng, GV mời HS khác hỗ trợ.

– GV chốt đáp án: 1 – Hồ Gươm; 2 – núi Phan Xi Păng; 3 – Đà Lạt; 4 – Thành phố Hồ Chí Minh.

– GV giới thiệu vắn tắt về các cảnh đẹp:

Hồ Gươm – còn gọi là hồ Hoàn Kiếm, ở trung tâm Thủ đô Hà Nội; hồ được đặt tên như vậy vì gắn với sự tích vua Lê Lợi sau khi chiến thắng giặc Minh đã trả gươm thần cho Long Quân.

Phan Xi Păng là ngọn núi cao nhất Việt Nam và cao nhất Đông Dương (Cam-pu-chia, Lào, Việt Nam), nằm giữa hai tỉnh Lào Cai và Lai Châu. Đà Lạt – thành phố du lịch nổi tiếng ở tỉnh Lâm Đồng, vùng Tây Nguyên nước ta. Thành phố Hồ Chí Minh – thành phố lớn ở miền Nam nước ta, là một trong hai trung tâm kinh tế, chính trị, văn hoá, giáo dục lớn nhất cả nước.

2. Giáo viên nói lời dẫn để giới thiệu chủ điểm và bài đọc mở đầu chủ điểm

– GV: Đất nước Việt Nam chúng ta rất đẹp. Đất nước này do các dân tộc anh em cùng chung tay xây dựng nên và bảo vệ để các em có cuộc sống thanh bình. Từ tuần này, các em sẽ làm quen với chủ đề *Đất nước*. Chủ đề *Đất nước* được mở đầu bằng chủ điểm *Cảnh đẹp non sông*. Chủ điểm này sẽ hướng dẫn các em tìm hiểu về

(1) Bắt đầu từ Bài 3, các gợi ý về đồ dùng dạy học, phương pháp và hình thức tổ chức dạy học; các HĐ kiểm tra bài cũ, tổ chức luyện đọc thành tiếng, cũng cố, dẫn dắt và yêu cầu về tốc độ đọc... chỉ được nêu khi thực sự cần thiết. GV tổ chức dạy học theo yêu cầu tương tự ở Bài 1 và Bài 2.

những cảnh đẹp của đất nước, của quê hương các em và nơi các em cùng gia đình đang sinh sống; giúp các em nói và viết về những cảnh đẹp đó để thêm yêu quê hương, yêu non sông gấm vóc Việt Nam.

BÀI ĐỌC 1

TRÊN HỒ BA BỂ

(60 phút)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Phát triển các năng lực đặc thù

1.1. Phát triển năng lực ngôn ngữ

– Đọc thành tiếng trôi chảy toàn bài. Phát âm đúng các từ ngữ có âm, vần, thanh HS dễ viết sai, VD: *cheo leo, lá rừng, lòng ta, lướt nhẹ, lặng lẽ,...* (MB); *Ba Bể, se se, lướt nhẹ, lặng lẽ, rung rinh, quanh quất, đồ ỏi, bãi ngô, chẳng muốn,...* (MT, MN). Ngắt nghỉ hơi đúng.

– Hiểu nghĩa của các từ ngữ trong bài, VD: *cheo leo, bông bênh, quanh quất,...* Hiểu nội dung và ý nghĩa của bài thơ: Ca ngợi vẻ đẹp thơ mộng của hồ Ba Bể, thể hiện tình yêu và niềm tự hào về cảnh đẹp non sông.

– Biết cách viết tên địa lí Việt Nam.

1.2. Phát triển năng lực văn học

– Biết bày tỏ sự yêu thích với một số từ ngữ hay, hình ảnh đẹp.

– Cảm nhận được vẻ đẹp thơ mộng của hồ Ba Bể, tình yêu và niềm tự hào của nhà thơ về hồ Ba Bể.

2. Góp phần phát triển các năng lực chung và phẩm chất

NL giao tiếp và hợp tác (biết cùng các bạn thảo luận nhóm); NL tự chủ và tự học (trả lời đúng các CH đọc hiểu, nêu và thực hành được cách viết các tên địa lí Việt Nam). Bồi dưỡng tình yêu quê hương, đất nước.

II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

1. Giới thiệu bài

– Mở đầu chủ điểm *Cảnh đẹp non sông*, chúng ta sẽ học bài thơ *Trên hồ Ba Bể* của nhà thơ Hoàng Trung Thông.

– GV có thể tổ chức cho HS nghe một bài hát then về hồ Ba Bể (video *Các bài hát then về hồ Ba Bể, Huyền thoại hồ Ba Bể,...*); HS có thể vừa nghe bài hát vừa múa theo điệu nhạc.

2. HĐ 1: Đọc thành tiếng

2.1. Luyện đọc thành tiếng

- GV tổ chức cho HS luyện đọc như đã hướng dẫn ở các bài học trước.
- GV lưu ý HS về cách ngắt nhịp, VD:
+ Ngắt nhịp dòng thơ 7 chữ: *Thuyền ta chầm chậm / vào Ba Bể // Núi dựng cheo leo, / hồ lặng im // Lá rừng vời gió / ngâm se sẽ // Hoạ tiếng lòng ta / vời tiếng chim //.*
+ Ngắt nhịp theo nghĩa: *Mái chèo / khua bóng núi rung rinh // Thuyền ơi, // chầm chậm chờ ta nhé //.*

2.2. Giải nghĩa từ ngữ (nhanh)

- GV mời 1 HS đọc to, rõ YC giải nghĩa từ; 1 HS đọc từ ngữ ở cột A; 4 HS tiếp nối nhau đọc nghĩa tương ứng ở cột B. Cả lớp nhận xét. GV chốt đáp án đúng: a – 2; b – 3; c – 1; d – 4.
- GV hướng dẫn HS tìm hiểu thêm nghĩa của từ ngữ khác (nếu cần).

3. HĐ 2: Đọc hiểu

- 4 HS tiếp nối nhau đọc 4 CH trong SGK. Cả lớp đọc thầm theo.
- GV tổ chức cho HS thảo luận theo nhóm đôi, trả lời CH. Các nhóm báo cáo kết quả (hỏi đáp):
(1) Đi thuyền trên hồ Ba Bể, tác giả nghe được những âm thanh gì? (Tác giả nghe được tiếng lá rừng khẽ reo trong gió; tiếng chim rừng.)
(2) Vì sao tác giả có cảm tưởng thuyền lướt trên mây, trên núi? (Ý a đúng: Vì thuyền lướt trên mặt hồ có in bóng mây, núi.)
(3) Quang cảnh hồ Ba Bể đẹp như thế nào? (HS nêu hình ảnh đẹp ở cả 3 khổ thơ: núi dựng cheo leo,...; mây trắng trôi bồng bềnh,...; đồ ổi vườn cam, thẳm bãi ngô.)
GV: Đó là một vẻ đẹp rất thơ mộng và bình yên.
(4) Theo em, vì sao tác giả lưu luyến, không muốn về? (HS nói theo cảm nhận riêng, VD: Vì cảnh đẹp quá. / Vì tác giả thích cảnh hồ quá. / Vì tác giả muốn có thêm thời gian để ngắm cảnh. / ...).
- GV: Bài thơ thể hiện điều gì? (Bài thơ ca ngợi cảnh đẹp của hồ Ba Bể. / Bài thơ thể hiện tình yêu và niềm tự hào của tác giả về một cảnh đẹp của non sông đất nước.)

4. HĐ 3: Luyện tập

4.1. Tìm hiểu cách viết hoa tên địa lí Việt Nam (BT 1)

- GV mời 2 HS nối tiếp nhau đọc BT 1. Cả lớp đọc thầm theo.
- HS thảo luận nhóm đôi: Tên riêng hồ Ba Bể được viết như thế nào?

- Một số nhóm báo cáo kết quả. HS nêu ý kiến; GV chốt câu trả lời đúng.
- Một số HS nêu ý kiến, VD: Tên hồ Ba Bể được viết hoa cả hai chữ cái đầu của mỗi tiếng. / Cả hai chữ B trong tên riêng *Ba Bể* đều được viết hoa.
- GV: Chữ cái đầu tiên (chữ B) của mỗi tiếng *Ba*, *Bể* đều được viết hoa (ý a đúng).

4.2. Thực hành viết tên địa lí Việt Nam (BT 2)

- GV nêu yêu cầu, hướng dẫn HS làm bài: Viết tên xã (phường, thị trấn), huyện (quận, thị xã, thành phố) nơi em ở.
- HS viết các tên riêng vào VBT, vở ô li. (GV có thể mời một số em viết vào băng giấy / băng phụ,...).
- HS dán băng phụ / băng giấy,... lên bảng để báo cáo kết quả (hoặc GV chiếu bài của một số HS để cả lớp nhận xét, rút kinh nghiệm).
- GV nhận xét; HS chữa lỗi (nếu có).

* Lưu ý dành cho GV: Một số tên địa lí Việt Nam – đặc biệt là địa danh ở khu vực Tây Nguyên – được viết hoa đặc biệt, VD: *Chư Păh*, *Chư Prông*,... GV cần hướng dẫn các em viết cho đúng. Có thể xem tên các đơn vị hành chính đó trên cổng thông tin điện tử chính thức của tỉnh (huyện) để biết cách viết chính xác.

5. HĐ 4: Học thuộc lòng

- GV hướng dẫn HS học thuộc lòng 2 khổ thơ đầu như ở các bài học trước. Có thể tổ chức HTL bằng trò chơi *Ô cửa bí mật*:
- + Một vài HS mở lần lượt các ô cửa và thực hiện yêu cầu ghi ở từng ô cửa: (cá nhân hoặc bàn, tổ) đọc thuộc lòng 2 dòng / 1 khổ thơ được cả lớp vỗ tay hoan hô.
- + Khi các ô cửa được mở hết, hiện ra hình ảnh hồ Ba Bể hoặc một cảnh đẹp ở địa phương. Nếu là cảnh đẹp ở địa phương thì GV hỏi HS những điều các em biết về cảnh đẹp đó và cung cấp thêm cho các em một số thông tin về cảnh đẹp đó.
- GV khen ngợi, dặn dò HS.

TỰ ĐỌC SÁCH BÁO

(HS thực hiện ở nhà)

GV giao nhiệm vụ cho HS:

1. Tự đọc sách báo ở nhà theo yêu cầu đã nêu trong SGK (về nội dung bài đọc, loại bài đọc, số lượng mỗi loại bài đọc).
2. Viết vào phiếu đọc sách: Tên bài đọc và một số nội dung chính (nhân vật hoặc sự việc, hình ảnh, câu văn, câu thơ em thích); cảm nghĩ của bản thân.

ÔN CHỮ VIẾT HOA: O, Ô, Ơ

(1 tiết)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Phát triển các năng lực đặc thù

1.1. Phát triển năng lực ngôn ngữ

Ôn luyện cách viết các chữ hoa O, Ô, Ơ cỡ nhỏ và chữ thường cỡ nhỏ qua BT ứng dụng:

- Viết tên riêng: *Cửa Ông.*
- Viết câu ứng dụng: *Ôn trời mưa nắng phải thì. / Nơi thì bừa cày, nơi thì cấy sâu.*

1.2. Phát triển năng lực văn học: Hiểu mong muốn của người nông dân được gửi gắm trong câu ca dao: mong thời tiết thuận hoà để cày bừa, trồng trọt.

2. Góp phần phát triển các năng lực chung và phẩm chất

NL giao tiếp và hợp tác (biết nêu nhận xét về các chữ hoa). NL tự chủ và tự học (biết tự giải quyết nhiệm vụ học tập: đọc và viết chữ hoa, câu ứng dụng). Hiểu được công việc của người nông dân trên đồng ruộng và mong ước đơn giản của họ. Rèn tính cẩn thận, kiên nhẫn, óc thẩm mỹ khi viết chữ.

II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

1. Giới thiệu bài: GV nêu YCCĐ của bài học.

2. HĐ 1: Luyện viết trên bảng con

2.1. Luyện viết chữ hoa

– GV đưa các mẫu chữ hoa O, Ô, Ơ, gợi ý HS nhận xét, cùng cô những điều cần lưu ý khi viết. VD: Chữ O có cấu tạo như thế nào? Chữ Ô và chữ Ơ có gì giống, có gì khác chữ O?

- GV viết mẫu, kết hợp mô tả cách viết từng chữ.
- HS tập viết từng chữ hoa O, Ô, Ơ trên bảng con.

2.2. Luyện viết từ, câu ứng dụng

a) *Viết tên riêng*

- HS đọc tên riêng: *Cửa Ông*
- GV giới thiệu: Cửa Ông là một phường thuộc thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh. Nơi đây có đền Cửa Ông thờ ông Trần Quốc Tảng, một danh tướng đã có công đánh đuổi quân xâm lược Nguyên Mông vào thế kỉ XIII.

– HS luyện viết tên riêng trên bảng con. GV hướng dẫn nhận xét, rút kinh nghiệm về cách viết (nổi nét, để khoảng cách giữa các chữ cái, giữa các tiếng trong tên riêng).

b) *Viết câu ứng dụng*

– HS đọc câu ứng dụng: *Ơn trời mưa nắng phải thì. / Nơi thì bừa cạn nơi thì cấy sâu.*

– GV giúp HS hiểu nội dung câu ca dao: nói lên mong muốn của người nông dân, mong thời tiết thuận hoà để cấy bừa, trồng trọt.

– HS luyện viết bảng con 2 tiếng: *Ơn, Nơi*. GV hướng dẫn HS cách nổi nét giữa chữ hoa với chữ thường và giữa các chữ thường với nhau.

3. HĐ 2: Luyện viết trong vở *Luyện viết 3*, tập hai

– GV nêu yêu cầu viết đối với các dòng chữ viết hoa, tên riêng, câu ứng dụng.

– HS viết vào vở *Luyện viết 3*. GV nhắc nhở HS ngồi viết đúng tư thế; đánh giá một số bài viết; nêu nhận xét để cả lớp rút kinh nghiệm; lưu ý câu ứng dụng (thơ 6 / 8) cần trình bày như mẫu trong vở *Luyện viết 3*, tập hai.

– Khuyến khích HS tập viết chữ nghiêng (ở lớp hoặc ở nhà).

LUYỆN NÓI VÀ NGHE

TRAO ĐỔI: NÓI VỀ CẢNH ĐẸP NON SÔNG

(1 tiết)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Phát triển các năng lực đặc thù

1.1. Phát triển năng lực ngôn ngữ

– Giới thiệu một cảnh đẹp của đất nước (ở nơi sinh sống / ở quê hương / ở địa phương khác).

– Lắng nghe bạn giới thiệu, biết nhận xét, đánh giá lời giới thiệu của bạn.

– Biết trao đổi cùng các bạn về những cảnh đẹp của đất nước.

1.2. Phát triển năng lực văn học: Biết bày tỏ sự yêu thích cảnh đẹp của đất nước.

2. Góp phần phát triển năng lực chung và phẩm chất

NL giao tiếp và hợp tác: biết trao đổi cùng các bạn một cách chủ động, tự nhiên, tự tin; PC yêu nước: yêu mến, tự hào về những cảnh đẹp của quê hương, đất nước.

II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

1. Giới thiệu bài

Trong tiết học hôm nay, các em sẽ tập giới thiệu và trao đổi về một cảnh đẹp ở nơi các em đang sống, ở quê hương hoặc ở địa phương khác mà các em biết.

2. HĐ 1. Tìm hiểu yêu cầu và mẫu (nhánh)

- GV mời 1 HS đọc yêu cầu. Cả lớp đọc thầm theo.
- Cả lớp quan sát ảnh và đọc thầm lời giới thiệu tương ứng với mỗi ảnh.
- GV mời một số HS cho biết những bức ảnh nói trên là ảnh gì.
- GV mời một số HS cho biết các em sẽ giới thiệu cảnh đẹp nào (Cảnh đẹp được giới thiệu trong SGK hay cảnh đẹp khác mà các em biết?).
- GV mời 3 HS đọc lời giới thiệu (M) về Đất Mũi, Sa Pa và Nha Trang trong SGK. Cả lớp đọc thầm theo.

3. HĐ 2. Giới thiệu về cảnh đẹp đất nước

3.1. Một số học sinh làm mẫu

GV hỏi; 1 – 2 HS trả lời:

- Em sẽ giới thiệu về cảnh đẹp nào?
- Cảnh đẹp đó ở đâu?
- Cảnh đẹp đó có gì khiến em yêu thích?

3.2. Giới thiệu trong nhóm

- HS làm việc theo nhóm đôi, tập giới thiệu về cảnh đẹp.
- HS hỏi thêm về những điều bạn vừa giới thiệu. VD: Bạn đến nơi đó khi nào? Vì sao bạn thích cảnh đẹp đó?
- GV cũng có thể đặt thêm câu hỏi để giúp HS phát triển ý.

3.3. Giới thiệu trước lớp

- GV mời một số HS nói trước lớp. HS có thể giới thiệu cảnh đẹp được giới thiệu trong SGK hoặc một cảnh đẹp khác. GV khuyến khích các em sử dụng tranh ảnh khi giới thiệu. Có thể dùng máy chiếu để chiếu các tranh ảnh lên màn hình.
- Sau mỗi lời giới thiệu, GV mời HS trong lớp đặt câu hỏi về chi tiết các em chưa rõ (nếu có) và hướng dẫn các em trao đổi về các cảnh đẹp được giới thiệu. VD, trao đổi về động Phong Nha:
 - + Bạn đi thăm động Phong Nha cùng ai? (Tôi đi cùng bố mẹ.).
 - + Bạn đi vào động bằng cách nào? (Tôi đi vào động bằng thuyền máy.).
 - + Bạn thích nhất điều gì ở động Phong Nha? (Tôi thích nhất là động có nhiều nhũ đá. Nhũ đá ở đây tạo thành những hình rất đẹp. /Tôi thích nhất là không khí trong động. Động rất mát./).
- HS bình chọn bài giới thiệu hay nhất.
- GV biểu dương những HS có bài giới thiệu tốt.

SÔNG HƯƠNG

(2 tiết)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**1. Phát triển năng lực đặc thù****1.1. Phát triển năng lực ngôn ngữ**

– Đọc thành tiếng trôi chảy toàn bài. Phát âm đúng các từ ngữ có âm, vần, thanh HS dễ viết sai, VD: *sâu đậm, bức tranh, dòng sông, xanh non, lung linh, trong lành,...* (MB); *phong cảnh, nở đỏ rực, dải lụa đào, ửng hồng, tan biến, phượng vĩ,...* (MN, MT). Ngắt nghỉ hơi đúng.

– Hiểu nghĩa của các từ ngữ trong bài, đặc biệt các từ: *sắc độ, Hương Giang, lụa đào, hoàng hôn, đặc ân,...* Hiểu nội dung và ý nghĩa của bài đọc: Ca ngợi vẻ đẹp thơ mộng, thanh bình của sông Hương, một đặc ân của thiên nhiên dành cho Huế; thể hiện tình yêu của tác giả đối với non sông, đất nước.

– Nhận biết hình ảnh so sánh (sự vật với sự vật) và biết tạo hình ảnh so sánh.

1.2. Phát triển năng lực văn học

Cảm nhận được nghệ thuật miêu tả phong cảnh của tác giả qua việc sử dụng các từ chỉ màu sắc, các hình ảnh so sánh để làm nổi bật vẻ đẹp và sự biến đổi của dòng sông.

2. Góp phần phát triển các năng lực chung và phẩm chất

Góp phần hình thành NL giao tiếp và hợp tác (qua hoạt động nhóm, hoạt động lớp); Phẩm chất yêu nước, nhân ái (yêu thiên nhiên, yêu quê hương, đất nước).

II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**1. Giới thiệu bài**

– GV giới thiệu: Ở bài đọc trước, chúng ta đã được khám phá vẻ đẹp nên thơ của hồ Ba Bể, một cảnh đẹp nổi tiếng ở miền núi phía Bắc. Hôm nay, các em sẽ được đến thăm thành phố Huế, một thành phố thơ mộng ở miền Trung, qua bài đọc *Sông Hương*.

– GV có thể cho HS nghe một đoạn ca khúc về sông Hương, núi Ngự,...

2. HĐ 1: Đọc thành tiếng

– GV đọc mẫu toàn bài một lần: giọng đọc trầm lắng, nhẹ nhàng, phù hợp với cảm xúc chủ đạo của văn bản.

– Tổ chức cho HS luyện đọc như đã hướng dẫn ở các bài trước.

- Chú ý hướng dẫn HS phát âm đúng từ ngữ; ngắt giọng đúng các câu, VD:
+ *Sông Hương / là một bức tranh phong cảnh khổ dài / mà mỗi đoạn, / mỗi khúc / đều có vẻ đẹp riêng của nó.*
+ *Bao trùm lên cả bức tranh đó / là một màu xanh / có nhiều sắc độ, đậm nhạt khác nhau /: màu xanh da trời, màu xanh của nước biển, màu xanh non của những bãi ngô, thềm cỏ,...*

3. HĐ 2: Đọc hiểu

- GV mời 4 HS tiếp nối nhau đọc to, rõ 4 CH trong SGK.
- HS làm việc nhóm (mỗi nhóm 4 – 5 em): Đọc thầm và trả lời 4 câu hỏi trong phiếu. (Có thể tổ chức theo kỹ thuật *Mảnh ghép*: Mỗi nhóm *chuyên* trả lời 1 câu hỏi; sau đó thảo luận chung cả 4 câu hỏi ở nhóm *ghép*).

- Các nhóm cử đại diện trình bày kết quả thảo luận. GV nhận xét về kết quả thảo luận; bổ sung ý kiến giúp HS có câu trả lời đúng, hiểu được nội dung của các đoạn văn và ý nghĩa của bài văn. Gợi ý:

(1) Qua đoạn 2, em hiểu vì sao dòng sông được đặt tên là sông Hương? (Vị xưa kia, dòng nước ở đây thường thoảng lên mùi hương dịu dịu của cỏ thạch xương bồ.)

(2) Câu mở đầu đoạn 3 gọi sông Hương là gì? (Sông Hương là “một bức tranh phong cảnh khổ dài mà mỗi đoạn, mỗi khúc đều có vẻ đẹp riêng của nó”.)

(3) Tìm những hình ảnh minh họa cho nhận xét nói trên về vẻ đẹp của sông Hương. (Đó là các hình ảnh:

- Bầu trời, mặt nước, bãi ngô, thềm cỏ mang màu xanh với sắc độ đậm nhạt khác nhau: *màu xanh da trời, màu xanh của nước biển, màu xanh non của những bãi ngô, thềm cỏ.*

- *Mùa hè, phượng vĩ đỏ rực hai bên bờ, dòng sông thay chiếc áo xanh hằng ngày thành dải lụa đào ửng hồng cả phố phường.*

- *Những đêm trăng sáng, dòng sông là một đường trăng lung linh dát vàng.*)

(4) Những từ ngữ nào trong đoạn cuối thể hiện sự thay đổi mà sông Hương tạo ra cho phố phường xung quanh? (Sông Hương “*làm cho không khí thành phố trở nên trong lành, làm tan biến những tiếng ồn ào của chợ búa, tạo cho thành phố một vẻ êm đềm*”.)

- GV nêu nội dung, ý nghĩa của bài: Ca ngợi vẻ đẹp thơ mộng, thanh bình của sông Hương, một đặc ân của thiên nhiên dành cho Huế; thể hiện tình yêu của tác giả đối với non sông, đất nước Việt Nam.

4. HĐ 4: Luyện tập

4.1. Nhận biết các sự vật được so sánh với nhau (BT 1)

- 1 HS đọc trước lớp BT 1. Cả lớp đọc thầm theo.

- Cả lớp làm vào VBT / phiếu học tập; 1 HS làm bài tập trên phiếu khổ lớn.
- Một số HS báo cáo (GV chiếu bài làm của HS / chiếu văn bản lên màn hình – gạch dưới từ ngữ chỉ vật được so sánh với sông Hương). Những HS khác nêu ý kiến.
- GV nhận xét, kết luận đáp án đúng:

a) (Sông Hương là một bức tranh phong cảnh nhiều màu sắc.) Sông Hương được so sánh với **một bức tranh phong cảnh nhiều màu sắc**.

b) (Vào mùa hè, Hương Giang như một dải lụa đào.) Sông Hương được so sánh với **một dải lụa đào**.

c) (Những đêm trăng sáng, dòng sông là một đường trăng dát vàng.) Sông Hương được so sánh với **một đường trăng dát vàng**.

4.2. Chọn từ chỉ đặc điểm thích hợp để thể hiện lại hình ảnh so sánh (BT 2)

- 1 HS đọc trước lớp BT 2. Cả lớp đọc thầm theo.
- GV gọi ý: Đề bài yêu cầu gì? Sơ đồ so sánh có mấy yếu tố? Đó là những yếu tố nào? Các từ *lung linh, đẹp, ửng hồng* là từ chỉ sự vật, từ chỉ đặc điểm, hay từ so sánh?
- HS thực hiện bài tập theo nhóm 3 – 4 HS: trình bày kết quả thảo luận của nhóm trong phiếu hoặc VBT Tiếng Việt 3.
- GV tổ chức cho cả lớp nhận xét; GV nêu đáp án đúng (chiếu đáp án đúng lên bảng, nếu có điều kiện).

Đáp án:

- a) Sông Hương **đẹp** như một bức tranh phong cảnh nhiều màu sắc.
- b) Vào mùa hè, Hương Giang **ửng hồng** như một dải lụa đào.
- c) Những đêm trăng sáng, dòng sông **lung linh** như một đường trăng dát vàng.
- GV dựa vào kết quả của BT 2, nói thêm về phép so sánh (so sánh sự vật với sự vật); nhận xét, khen ngợi, biểu dương HS.

BÀI VIẾT 2

VIẾT VỀ CẢNH ĐẸP NON SÔNG

(1 tiết)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Phát triển các năng lực đặc thù

1.1. Phát triển năng lực ngôn ngữ

- Viết được đoạn văn 6 – 8 câu nói lại những điều quan sát được trong bức ảnh giới thiệu một cảnh đẹp của đất nước.

- Đọc trôi chảy, giọng đọc truyền cảm đoạn văn giới thiệu cảnh đẹp non sông, đất nước.

1.2. Phát triển năng lực văn học: Biết bày tỏ sự yêu thích cảnh đẹp của đất nước.

2. Góp phần phát triển năng lực chung và phẩm chất

Góp phần phát triển NL giải quyết vấn đề và sáng tạo khi lựa chọn cảnh đẹp và viết đoạn văn giới thiệu; góp phần bồi dưỡng tình yêu quê hương, đất nước.

II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

1. Giới thiệu bài

Ở bài Luyện nói và nghe, các em đã nói cho nhau nghe về một cảnh đẹp ở nơi em đang sống, ở quê hương em hoặc ở địa phương khác mà các em biết. Hôm nay, cũng với đề tài “cảnh đẹp non sông”, các em sẽ viết đoạn văn nói lại những điều quan sát được trong bức ảnh giới thiệu một cảnh đẹp của đất nước.

2. HĐ 1: Chuẩn bị viết đoạn văn

- GV mời 1 HS đọc câu hỏi và gợi ý của BT 1. Cả lớp đọc thầm theo.
- GV đặt câu hỏi gợi ý cho HS phân tích yêu cầu của BT: Đề bài yêu cầu làm gì? (Viết đoạn văn nêu những điều em quan sát được trong bức ảnh giới thiệu một cảnh đẹp ở nước ta).
- GV yêu cầu HS quan sát ảnh, đọc thầm chú thích dưới mỗi ảnh, trả lời câu hỏi: Mỗi bức ảnh chụp cảnh đẹp nào? Cảnh đẹp đó ở đâu? Em thấy những gì trong bức ảnh đó? Cảnh đẹp đó có gì làm em yêu thích?
- Một số HS dựa vào gợi ý của GV, giới thiệu bức ảnh mình chọn.
- GV nhắc HS: Các em có thể giới thiệu bức ảnh cầu Rồng (Đà Nẵng), ảnh vịnh Hạ Long (Quảng Ninh) hoặc các bức ảnh giới thiệu cảnh đẹp khác (ảnh trong hoặc ngoài SGK).
- GV hướng dẫn HS quan sát “Sơ đồ Bàn tay”, nhắc lại quy trình 5 bước: xác định nội dung (viết về gì?), tìm ý, sắp xếp ý, viết, hoàn chỉnh bài viết.

3. HĐ 2: Viết đoạn văn giới thiệu cảnh đẹp non sông

HS viết đoạn văn. GV theo dõi, giúp đỡ HS; phát hiện những bài viết hay, sáng tạo.

4. HĐ 3: Giới thiệu đoạn văn

- 4 – 5 HS đọc đoạn văn đã viết cho các bạn nghe. (GV chiếu bài làm của HS lên màn hình, nếu có điều kiện.)
- HS trao đổi, nhận xét, góp ý về bài viết của bạn. GV nhận xét, đánh giá.
- HS trưng bày bài; đọc bài của bạn (kỹ thuật *Phòng tranh*). GV cùng HS quan

sát bài viết được trưng bày; nhận xét, hướng dẫn HS sửa lỗi (nếu có); biểu dương các em có đoạn văn hay, mạch lạc, sử dụng hình ảnh so sánh sinh động.

VD về một đoạn văn:

Em thích bức ảnh chụp vịnh Hạ Long. Vịnh Hạ Long ở tỉnh Quảng Ninh, là cảnh đẹp nổi tiếng của đất nước ta. Xem ảnh, em thấy vịnh Hạ Long thật đẹp. Mặt biển xanh và lóng lánh như một tấm thảm khổng lồ màu ngọc bích. Trên vịnh, nhiều đảo đá lớn nhỏ lờ lờ in bóng xuống mặt nước. Em còn thấy cả những chiếc thuyền trên biển. Em ước mình được ngồi trên một trong những chiếc thuyền ấy để ngắm mặt nước xanh trong và những hòn đảo nổi tiếng với tên gọi rất thú vị: Hòn Trống Mái, Hòn Chăn Voi, Hòn Con Cóc,...

BÀI ĐỌC 3

CHỢ NỔI CÀ MAU

(2 tiết)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Phát triển năng lực đặc thù

1.1. Phát triển năng lực ngôn ngữ

– Đọc thành tiếng trôi chảy toàn bài. Phát âm đúng các từ ngữ có âm, vần, thanh học sinh dễ viết sai do ảnh hưởng của âm địa phương, VD: *chợ nổi*, *lúc bình minh lên*, *sóng nước*, *cầm lòng*,... (MB); *chợ nổi*, *một dãy*, *gợn ghề*, *tươi tắn*, *đỏ au au*, *cầm giác*, *rầy*,... (MT, MN). Ngắt nghỉ hơi đúng.

– Hiểu nghĩa của các từ ngữ trong bài, VD: *chợ nổi*, *ghe*, *miệt vườn*, *xanh riết*, *khóm*,... Hiểu được nội dung, ý nghĩa của bài đọc: Nói về những nét sinh động, độc đáo của chợ nổi Cà Mau và tình cảm của tác giả đối với vùng quê Nam bộ.

– Nhận biết và sử dụng được phép so sánh sự vật với sự vật (so sánh vật và âm thanh), với cấu trúc so sánh có 3 yếu tố: sự vật 1 – từ so sánh – sự vật 2.

1.2. Phát triển năng lực văn học

Cảm nhận được nghệ thuật sử dụng từ láy, từ chỉ màu sắc trong tả cảnh sinh hoạt của tác giả; cảm nhận về đẹp tâm hồn, tình yêu đối với vùng quê Nam bộ của tác giả.

2. Góp phần phát triển các năng lực chung và phẩm chất

NL giao tiếp và hợp tác (cùng các bạn thảo luận nhóm); NL giải quyết vấn đề và sáng tạo (phân tích, cảm nhận các chi tiết tả cảnh sinh hoạt, nghệ thuật sử dụng các từ láy, các từ chỉ màu sắc trong bài); PC yêu nước, nhân ái (tình yêu thiên nhiên, quê hương, đất nước).

II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Giới thiệu bài

– GV treo / chiếu bản đồ Việt Nam, giới thiệu những địa danh HS đã được tìm hiểu ở các bài học trước: Hồ Ba Bể (Bắc Kạn – miền Bắc), sông Hương (Thừa Thiên Huế – miền Trung).

– GV (chỉ bản đồ, giới thiệu): Tạm biệt miền Bắc, miền Trung, hôm nay, chúng ta “đến” miền Nam. Bài đọc *Chợ nổi Cà Mau* sẽ giúp chúng ta khám phá thêm một vùng đất mới của đất nước, miền Tây Nam Bộ.

2. HĐ 1: Đọc thành tiếng

– GV đọc mẫu: giọng đọc truyền cảm, vui tươi thể hiện sự thích thú trước vẻ đẹp sinh động, khác lạ của chợ nổi vùng sông nước Cà Mau.

– GV chú ý giải nghĩa các từ đã chú thích và một số từ khác, nếu HS chưa hiểu: *trùng trùng* (trông trông, nghiêng qua nghiêng lại, không giữ được thăng bằng); *bày biện* (sắp đặt cho thật đẹp mắt); *tinh tươm* (gọn gàng, đẹp đẽ); *cheo kéo* (cố mời mọc cho bằng được); *miên man* (hết cái này sang cái khác, nối tiếp nhau không dứt).

– GV tổ chức cho HS luyện đọc thành tiếng như đã hướng dẫn ở các bài trước. Chú ý hướng dẫn HS luyện đọc những từ dễ phát âm sai; ngắt giọng đúng các câu, VD:

+ *Chú ghe / tắt bật bày biện hàng hoá gọn ghẽ, / tươi tắn / và tinh tươm.*

+ *Giữa chợ nổi Cà Mau, / ngập tràn hồn tôi cái cảm giác như gặp được những khu vườn, / rẫy khóm, / rẫy mía miên man dọc trên sông Trẹm quê mình.*

3. HĐ 2: Đọc hiểu

– GV mời 5 HS tiếp nối nhau đọc to, rõ 4 câu hỏi trong SGK. Cả lớp đọc thầm theo.

– HS hoạt động nhóm đôi, trả lời 4 câu hỏi.

– Đại diện các nhóm trả lời câu hỏi đọc hiểu. Cả lớp nhận xét; GV phân tích, bổ sung ý kiến, kết luận câu trả lời đúng:

(1) Chợ nổi Cà Mau họp vào lúc nào, ở đâu? (Chợ họp ở Cà Mau lúc bình minh lên; chợ họp trên sông.)

(2) Chợ nổi có gì khác lạ so với chợ trên đất liền? (Chợ họp trên mặt sông; hàng trăm chiếc ghe to nhỏ đậu sát với nhau thành chợ; chợ chỉ tập trung bán buôn rau, trái miệt vườn; người bán treo hàng hoá vào nhánh cây, buộc ở đầu ghe để mọi người biết ghe mình bán gì.)

(3) Tìm những hình ảnh diễn tả cảnh sinh hoạt tập nập ở chợ nổi. (Hàng trăm

chiếc ghe to, nhỏ đậu sát vào nhau thành một dãy dài; người bán người mua trù trù trên sông nước; chủ ghe tắt bật bày biện hàng hoá; rất nhiều rau trái sắc màu tươi tắn được bày bán: chôm chôm đỏ au; khóm, xoài vàng ươm; cóc, ổi xanh riết; cà tím;...)

(4) Chợ nổi gợi cho tác giả cảm giác gì? (Cảm giác như đang đứng giữa những khu vườn, những rẫy khóm, rẫy mía miền man dọc triền sông Trẹm quê mình.)

– GV nêu nội dung, ý nghĩa của bài: Bài viết tả những nét sinh động, độc đáo của chợ nổi Cà Mau và tình cảm của tác giả đối với vùng quê Nam Bộ.

Lưu ý khi dạy đọc hiểu: GV chú ý giúp HS cảm nhận được nghệ thuật sử dụng từ ngữ giàu hình ảnh để miêu tả chợ nổi: *trùng trùng, tắt bật, gọn ghẽ, tươi tắn, tình ươm; đỏ au au, vàng ươm,...*

4. HĐ 3: Luyện tập

4.1. Tìm các sự vật được so sánh với nhau

Tác giả đã so sánh những nhánh cây treo rau, trái trên thuyền với sự vật nào? (BT 1)

– 1 HS đọc yêu cầu của BT 1. Cả lớp đọc thầm theo.

– GV gợi ý giúp HS nắm vững yêu cầu đề bài; hướng dẫn HS làm bài:

+ Đọc lại các câu: “Bạn cứ nhìn cái nhánh cây thon, dài buộc ở đầu ghe kia, trên cây treo gì thì ghe bán thức ấy. Đó là tiếng chào mời không lời.”. Trong câu “Đó là tiếng chào mời không lời.”, từ “đó” chỉ những sự vật nào? (Từ “đó” chỉ những nhánh cây treo rau, trái trên thuyền.)

+ Thảo luận nhóm đôi, sau đó hoàn thiện bảng so sánh trong VBT / phiếu học tập:

Sự vật 1	Từ so sánh	Sự vật 2
Những nhánh cây treo rau, trái		

– Một số HS trình bày kết quả; các HS khác nêu ý kiến.

– GV hướng dẫn HS nhận xét, đánh giá, xây dựng đáp án đúng.

Đáp án: “Những nhánh cây treo rau, trái (sự vật 1) được so sánh với “tiếng chào mời không lời” (sự vật 2).

Sự vật 1	Từ so sánh	Sự vật 2
Những nhánh cây treo rau, trái	là	tiếng chào mời không lời

4.2. Tìm từ ngữ diễn tả sự phong phú, hấp dẫn của rau, trái được bày bán ở chợ nổi (BT 2)

– 1 HS đọc yêu cầu của BT2: Tác giả đã sử dụng những từ ngữ nào để diễn tả sự phong phú, hấp dẫn của rau, trái được bày bán ở chợ nổi?

– GV gợi ý để HS nắm vững yêu cầu của BT: Tìm các từ ngữ diễn tả sự phong phú, hấp dẫn của rau, trái được bày bán ở chợ nổi Cà Mau.

– HS thảo luận nhóm (4 – 5 HS) – ghi kết quả vào VBT / phiếu học tập.

– HS đại diện nhóm trình bày kết quả trước lớp.

– GV tổ chức cho HS nhận xét, xây dựng đáp án đúng: *hàng hoá tươi tắn, gọn ghẽ, tình tươm, màu đỏ au (chôm chôm), vàng ươm (khóm, xoài), xanh riết (cóc, ổi), tìn (cà),...; như gặp được những khu vườn, những rẫy mía, rẫy khóm miền man độc sông.*

BÀI VIẾT 3

CHÍNH TẢ

(1 tiết)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Phát triển các năng lực đặc thù

1.1. Phát triển năng lực ngôn ngữ

– Nhớ và viết lại chính xác hai khổ thơ đầu bài thơ *Trên hồ Ba Bể*. Biết trình bày bài viết thể loại thơ 7 chữ.

– Viết đúng các tiếng bắt đầu với **l / n** hoặc có chữ **c / t** đứng cuối thông qua các bài tập tìm chữ phù hợp với chỗ trống và tìm tiếng theo yêu cầu.

1.2. Phát triển năng lực văn học

Cảm nhận được cái hay, cái đẹp của những câu thơ, câu văn trong các bài tập chính tả.

2. Góp phần phát triển năng lực chung và phẩm chất

NL tự chủ – tự học, NL giải quyết vấn đề (làm được các BT chính tả âm vần), NL giao tiếp – hợp tác (trao đổi, chia sẻ ý kiến). Góp phần bồi dưỡng tình cảm yêu thiên nhiên, ý thức chăm chỉ lao động.

II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Giới thiệu bài: GV nêu YCCĐ của bài học.

2. HĐ 1: Nhớ – viết

2.1. Chuẩn bị

– GV nêu nhiệm vụ và đọc mẫu 2 khổ thơ đầu của bài thơ *Trên hồ Ba Bể*.

- GV mời 1 HS đọc thuộc lòng 2 khổ thơ, cả lớp đọc thầm theo để nhớ lại.
- GV hướng dẫn cách trình bày: Tên bài thơ viết cân đối ở giữa, tất cả các dòng thơ đều bắt đầu viết từ ô thứ 2; chữ đầu mỗi dòng thơ đều viết hoa; hết một khổ thơ có dấu chấm câu; nhớ viết dấu phẩy sau chữ thứ tư ở dòng thứ hai của mỗi khổ thơ; viết khổ thơ sau cách khổ thơ trước 1 dòng kẻ.

- Cả lớp đọc thầm 2 khổ thơ.

2.2. Viết chính tả

- HS đọc lại 1 lần 2 khổ thơ trong SGK để ghi nhớ.
- HS gấp SGK, nhớ lại 2 khổ thơ và viết bài.

2.3. Sửa bài

HS tự sửa lỗi (gạch chân từ viết sai, viết từ đúng bằng bút chì ra lề vở hoặc cuối bài chính tả). GV chữa 5 – 7 bài. Có thể chiếu bài của HS để cả lớp quan sát, nhận xét bài về các mặt: nội dung, chữ viết, cách trình bày.

3. HD 2: Làm bài tập lựa chọn (BT 2)

- Chọn chữ phù hợp với chỗ trống
- GV nêu YC của BT, chọn cho HS làm BT 2a hay 2b tùy theo phương ngữ của các em.

3.1. BT 2a (Chọn chữ l hay n?)

- 1 HS đọc YC của BT 2a. Cả lớp đọc thầm theo.
- GV hướng dẫn cách làm BT:
 - + Điền chữ n hoặc l vào ô trống để hoàn thành các tiếng.
 - + Giúp rùa con tìm đường về hang: Đường đi đúng được đánh dấu bằng các tiếng bắt đầu với chữ l. Đi theo các tiếng bắt đầu bằng l, rùa sẽ về được hang.
- HS điền chữ còn thiếu vào vở *Luyện viết 3*, tập hai; giúp rùa tìm đường về hang.
- GV treo bảng phụ (hoặc chiếu slide) có đề bài tập (2); HS nối tiếp nhau báo cáo kết quả.
- GV nhận xét và đưa ra đáp án: *lo lắng, náo động, giếng nước, cây nấm, no nê, đồng lúa, lội suối, khoai lang, nông dân.*
- Cả lớp đọc lại các từ đã điền đúng, tìm đường về hang cho chú rùa. Đáp án: Đường về hang đi qua các từ: *lo lắng, đồng lúa, lội suối, khoai lang.*
- HS sửa bài làm theo đáp án đúng (nếu làm sai).

3.2. BT 2b (Chọn chữ t hay c?)

- 1 HS đọc YC của BT. Cả lớp đọc thầm theo.
- GV hướng dẫn cách làm BT:
 - + Điền chữ c hoặc t vào ô trống để hoàn thành các tiếng.

+ Giúp Nam tìm đường về làng: Đường đi đúng được đánh dấu bằng các tiếng có chữ c đứng cuối. Đi theo các tiếng có chữ c đứng cuối, Nam sẽ về được làng.

– Cả lớp làm bài vào vở *Luyện viết 3*, tập hai; giúp Nam tìm đường về làng.

– GV treo bảng phụ (hoặc chiếu slide) có đề bài tập 2; HS nối tiếp nhau báo cáo kết quả.

– GV nhận xét; kết luận đáp án đúng: *nước mưa, tinh mắt, mát lạnh, được mùa, ước mong, rước đèn, quạt mát, trong vắt.*

– Cả lớp đọc lại các từ đã điền đầy đủ vào các chỗ trống; tìm đường về làng giúp bạn Nam.

– Đáp án: Đường về làng được đánh dấu bằng các từ: *nước mưa, rước đèn, ước mong, được mùa.*

– HS sửa bài làm theo đáp án đúng (nếu làm sai).

4. HĐ 3: Làm bài tập lựa chọn (BT3) – Tìm tiếng theo yêu cầu

GV nêu YC của BT, chọn cho HS làm BT 3a hay 3b, tùy theo phương ngữ của các em.

4.1. BT 3a: Tìm các tiếng bắt đầu bằng l hoặc n, có nghĩa cho trước.

– 1 HS đọc BT 3b. Cả lớp đọc thầm theo.

– GV hướng dẫn: dựa vào nghĩa để tìm tiếng, chọn những tiếng có đặc điểm chính tả phù hợp.

– HS thảo luận nhóm (mỗi nhóm 3 – 4 HS): làm bài trên phiếu học tập (1 nhóm làm trên phiếu học tập khổ lớn, nếu có điều kiện).

– Một số cá nhân / đại diện một số nhóm trình bày kết quả trước lớp. (HS gắn phiếu khổ lớn lên bảng / GV chiếu bài làm của HS, HS báo cáo; hoặc: GV nêu nghĩa từ, HS viết từ vào bảng con).

– GV hỗ trợ HS nhận xét, đánh giá kết quả của các nhóm, chốt đáp án đúng; khen ngợi, biểu dương HS.

– Cả lớp sửa bài theo đáp án đúng (nếu làm sai).

Đáp án: *lồng, nón, nói.*

4.2. BT 3b: Tìm các tiếng kết thúc bằng c hoặc t, có nghĩa cho trước.

– 1 HS đọc BT 3b. Cả lớp đọc thầm theo.

– GV hướng dẫn: Dựa vào nghĩa để tìm tiếng, chọn những tiếng có đặc điểm chính tả phù hợp.

– HS thảo luận nhóm (mỗi nhóm 3 – 4 HS): làm bài trên phiếu học tập (1 nhóm làm trên phiếu học tập khổ lớn, nếu có điều kiện).

– Một số cá nhân / đại diện một số nhóm trình bày kết quả trước lớp. (HS gắn phiếu khổ lớn lên bảng / GV chiếu bài làm của HS, HS báo cáo; hoặc: GV nêu nghĩa từ, HS viết từ vào bảng con).

– GV hỗ trợ HS nhận xét, đánh giá kết quả của các nhóm, chốt đáp án đúng; khen ngợi, biểu dương HS.

– Cả lớp sửa bài theo đáp án đúng (nếu làm sai).

Đáp án: *buốt, thuốc, luyệt*.

LUYỆN NÓI VÀ NGHE

TRAO ĐỔI: EM ĐỌC SÁCH BÁO

(1 tiết)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Phát triển các năng lực đặc thù

1.1. Phát triển năng lực ngôn ngữ

– Kể lại (hoặc đọc lại) được một câu chuyện (hay bài thơ, bài văn) đã đọc về cảnh đẹp quê hương, đất nước.

– Biết trao đổi với các bạn; lắng nghe bạn nói và đáp lại phù hợp về nội dung câu chuyện (bài thơ, bài văn) đã đọc, về nhân vật (hình ảnh, chi tiết) trong câu chuyện (bài thơ, bài văn) đó.

1.2. Phát triển năng lực văn học

Làm giàu vốn truyện, thơ, văn có nội dung về cảnh đẹp của đất nước. Biết bày tỏ cảm xúc về câu chuyện (bài thơ, bài văn); tập nói có hình ảnh.

2. Góp phần phát triển năng lực chung và phẩm chất

Góp phần phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác (biết trao đổi cùng các bạn, chủ động, tự nhiên, tự tin; biết nhìn vào người nghe khi nói); Góp phần bồi dưỡng tình yêu quê hương, đất nước.

II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

1. Giới thiệu bài

GV: Tiết học hôm nay, chúng ta sẽ kể hoặc đọc lại câu chuyện (bài thơ, bài văn) mà các em đã đọc ở nhà về cảnh đẹp quê hương, đất nước ta. Sau đó, chúng ta sẽ trao đổi về câu chuyện hay bài thơ, bài văn đó.

2. Kể hoặc đọc lại câu chuyện (bài thơ, bài văn) (BT 1)

2.1. Giới thiệu câu chuyện (nội dung bài thơ, bài văn) sẽ kể (đọc)

– GV mời một số HS cho biết các em sẽ kể chuyện gì (đọc bài thơ, bài văn gì), chuyện (bài) đó nói về cảnh đẹp nào.

– GV giới thiệu bài đọc mẫu trong SGK: *Vẽ quê hương*. Đây là một bài thơ hay nói về tình yêu quê hương của một bạn nhỏ. Với tình yêu quê hương, bạn đã vẽ nên một bức tranh quê rất đẹp. Các em có thể đọc (kết hợp xem hình ảnh minh họa) để trao đổi về bài thơ này.

2.2. Kể hoặc đọc lại câu chuyện (bài thơ, bài văn) và trao đổi trong nhóm

– HS làm việc theo nhóm đôi. Những HS chưa chuẩn bị được câu chuyện (bài thơ, bài văn) để kể (đọc) có thể tự đọc bài thơ *Vẽ quê hương*.

– GV theo dõi, giúp đỡ HS trao đổi; khuyến khích các em trao đổi về nhân vật trong câu chuyện, về cảm xúc trước cảnh đẹp trong câu chuyện (bài thơ, bài văn).

3. Kể hoặc đọc lại câu chuyện (bài thơ, bài văn) và trao đổi trước lớp (BT 2)

– GV mời một số HS kể (đọc) trước lớp. Cố gắng sắp xếp để nội dung trình bày của HS có cả truyện, thơ (hoặc văn bản thông tin, văn bản miêu tả). HS cũng có thể đọc bài thơ *Sông quê*. Trong khi trình bày, HS được phép nhìn sách nếu có chi tiết HS chưa ghi nhớ.

– Sau mỗi câu chuyện (bài thơ, bài văn), GV mời HS trong lớp đặt câu hỏi nếu có chi tiết các em chưa rõ và hướng dẫn các em trao đổi về câu chuyện, nhân vật trong câu chuyện (nội dung bài thơ, bài văn). GV dựa vào câu hỏi gợi ý trong SGK để hướng dẫn HS trao đổi:

+ Em thích nhân vật (hoặc chi tiết, hình ảnh) nào trong câu chuyện (bài thơ, bài văn) đó? Vì sao?

+ Câu chuyện (bài thơ, bài văn) đó nói lên điều gì?

...

VD, trao đổi về bài thơ *Vẽ quê hương*:

(1) Bạn nhỏ vẽ gì trong bức tranh của mình? (Bạn nhỏ vẽ làng xóm, tre, lúa, sông, trời mây, nhà, trường học, cây gạo nở hoa, nắng, Mặt Trời, lá cờ.)

(2) Theo bạn, bài thơ này nói về nông thôn hay thành thị? Vì sao bạn nghĩ như vậy? (Bài thơ này viết về nông thôn. Trong bài thơ có hình ảnh thường thấy ở nông thôn: làng xóm, tre, lúa, sông máng, nhà ngói, cây gạo.)

(3) Vì sao bạn nhỏ thấy bức tranh quê hương rất đẹp? (Vì bạn nhỏ yêu quê hương mình. / Vì bức tranh vẽ cảnh quen thuộc của quê hương. / Vì màu sắc của bức tranh rất rực rỡ. /...)

(4) Bạn thích nhất điều gì ở bài thơ này? (Tôi thích bức tranh của bạn nhỏ. Chỉ với một cây bút chì màu mà bạn đã vẽ nên một bức tranh đẹp có màu sắc rất tươi sáng,... Chắc chắn là bạn nhỏ rất yêu quê hương mình nên mới vẽ đẹp như thế...)

- Có thể tổ chức thi kể chuyện, đọc thơ văn và trao đổi trước lớp.
- HS cả lớp tham gia trò chơi; lớp trưởng điều hành hoạt động lớp; GV hỗ trợ khâu tổ chức nhận xét, đánh giá.
- Đại diện các nhóm trình bày bài kể chuyện hoặc bài thơ / văn, nêu ý kiến về nhân vật (hình ảnh, chi tiết) và nội dung, ý nghĩa của văn bản.
- Đại diện các nhóm còn lại nhận xét về bài kể / đọc của nhóm bạn và phản hồi ý kiến trao đổi.
- Đại diện các nhóm lần lượt thực hiện nội dung kể / đọc và nêu ý kiến của mình.
- GV nhận xét về kết quả thực hiện BT 1, BT 2 của cả lớp. Bình chọn 2 giải thưởng: nhóm kể / đọc hay nhất và nhóm có ý kiến trao đổi hay nhất. Biểu dương và có phần thưởng phù hợp.
- GV nhận xét tiết học, khen ngợi, biểu dương HS.

BÀI ĐỌC 4

SỰ TÍCH THÀNH CỔ LOA

(2 tiết)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Phát triển năng lực ngôn ngữ

- Đọc thành tiếng trôi chảy toàn bài. Phát âm đúng từ ngữ chứa âm vần khó do ảnh hưởng âm địa phương, VD: *lập nên, nước Âu Lạc, xâm lược, lại đồ sập xuống, lập đàn, chẳng bao lâu, gọi là Loa Thành,...* (MB); *đồ sập, nhiều lần như vậy, lập đàn, bỗng, sự giả của vua Thủy Tề, diệt trừ yêu quái, thành Cổ Loa,...* (MT, MN). Ngắt nghỉ hơi cho đúng.

- Hiểu nghĩa của các từ ngữ trong bài, VD: *thành Cổ Loa, An Dương Vương, Tần, đàn, phù hộ, lấy nó,...* Hiểu nội dung, ý nghĩa của bài: Giải thích nguồn gốc của thành Cổ Loa, nhắc nhở chúng ta nhớ về những người có công xây dựng và bảo vệ đất nước.

- Biết tác dụng của dấu ngoặc kép; biết đặt câu có hình ảnh so sánh.

2. Góp phần phát triển các năng lực chung và phẩm chất

NL giao tiếp và hợp tác (biết cùng các bạn thảo luận nhóm). Phẩm chất yêu nước qua việc tìm hiểu nội dung câu chuyện.

II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

1. Giới thiệu bài

Ở các bài đọc trước, các em đã được biết về nhiều địa danh đẹp, nổi tiếng ở ba miền Bắc, Trung, Nam, cảm nhận được sự giàu đẹp của đất nước Việt Nam. Hôm nay, chúng ta sẽ cùng tìm hiểu về sự tích thành Cổ Loa, ở Đông Anh, Hà Nội – một địa danh gắn liền với câu chuyện về vua An Dương Vương, vị vua đã có công xây thành, giúp nhân dân ta đánh giặc, bảo vệ đất nước.

2. HĐ 1: Đọc thành tiếng

– GV đọc mẫu: Giọng đọc chậm rãi, trầm hùng, phù hợp với nội dung truyền thuyết.

– GV tổ chức cho HS luyện đọc thành tiếng: Thực hiện như đã hướng dẫn ở các bài trước.

3. HĐ 2: Đọc hiểu

– GV mời 4 HS tiếp nối nhau đọc to, rõ 4 câu hỏi trong SGK.

– HS làm việc nhóm (mỗi nhóm 3 – 4 em), thảo luận, trả lời 4 câu hỏi.

– Các nhóm cử đại diện trình bày kết quả thảo luận trước lớp. GV nhận xét về kết quả thảo luận của các nhóm; GV giải thích và bổ sung thêm các nội dung cần thiết giúp HS có câu trả lời đúng, hiểu được nội dung của các đoạn và ý nghĩa của toàn bài.

(1) Qua đoạn 1, em biết điều gì về vua An Dương Vương? (An Dương Vương là vị vua đã lập nên nước Âu Lạc. Nhà vua cũng là người chỉ huy đánh thắng quân xâm lược Tần.)

(2) Ban đầu, công việc xây thành của nhà vua gặp khó khăn gì? (Rất nhiều lần, thành cứ đắp cao lên là lại đổ sập xuống.)

(3) Ai đã giúp nhà vua diệt trừ yêu quái, xây Loa Thành? (Đó là Thần Kim Quy, sứ giả của vua Thủy Tề.)

(4) Thần Kim Quy làm gì và nói gì với nhà vua trước khi chia tay? (Thần Kim Quy rút một chiếc móng của mình đưa cho An Dương Vương và bảo: “Nhà vua giữ lấy móng này để làm lẫy nỏ. Khi có giặc thì đem ra bắn, một phát có thể giết được hàng nghìn quân giặc.”)

– GV nêu nội dung, ý nghĩa câu chuyện: Giải thích nguồn gốc của thành Cổ Loa, nhắc nhở chúng ta nhớ về những người đã có công xây dựng và bảo vệ đất nước.

4. HĐ 3: Luyện tập

4.1. Tìm hiểu về tác dụng của dấu ngoặc kép (BT 1)

- GV mời 1 HS đọc BT 1. Cả lớp đọc thầm theo.
- GV gợi ý, giúp HS hiểu yêu cầu đề bài.
- HS làm việc nhóm (mỗi nhóm 3 – 4 HS):
- + Tìm các câu có dấu ngoặc kép trong bài.
- + Thảo luận về tác dụng của dấu ngoặc kép.
- HS đại diện cho nhóm trình bày kết quả.
- GV tổ chức nhận xét, xây dựng đáp án đúng:
- + Trong bài, có hai câu có dấu ngoặc kép. Các dấu ngoặc kép trong bài này đều có tác dụng báo hiệu lời nói trực tiếp:

• Trong câu “Sáng mai, nhà vua ra đón ở bờ sông, sẽ có Thần Kim Quy đến giúp.”, dấu ngoặc kép báo hiệu lời của ông già râu tóc bạc phơ nói với An Dương Vương.

• Trong câu “Nhà vua giữ lấy móng này để làm lẫy nỏ. Khi có giặc thì đem ra bắn, một phát có thể giết được hàng nghìn quân giặc.”, dấu ngoặc kép báo hiệu lời của Thần Kim Quy nói với An Dương Vương.

- HS làm lại bài vào VBT *Tiếng Việt 3*, tập hai.

4.2. Viết câu có hình ảnh so sánh (BT 2)

- 1 HS đọc BT 2. Cả lớp đọc thầm theo.
- GV gợi ý, giúp HS hiểu yêu cầu của bài tập.
- HS thảo luận nhóm đôi: Viết lại thành câu có hình ảnh so sánh bằng cách thêm từ ngữ phù hợp vào sau từ in đậm.

- Từng HS làm vào VBT *Tiếng Việt 3*, tập hai; báo cáo kết quả. Gợi ý đáp án:

a) Bỗng có một ông già râu tóc **bạc trắng** như mây hiện lên. / ... **bạc trắng** như cước... / ... **bạc trắng** như tuyết... / ... **bạc trắng** như bông...

b) Vừa tan sương, có một con rùa vàng **lớn** như một trái núi bơi vào bờ. / ... **lớn** như một toà nhà... / ... như cái nia... / ... như cái nong... / ...

- GV nhận xét tiết học, khen ngợi, biểu dương những HS học tốt.
- Nhắc HS chuẩn bị nội dung cho tiết *Góc sáng tạo* “Đố vui: Đố là cảnh đẹp nào?”.

ĐỒ VUI: ĐÓ LÀ CẢNH ĐẸP NÀO?

(1 tiết)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Phát triển các năng lực đặc thù

1.1. Phát triển năng lực ngôn ngữ

– Viết được đoạn văn về một cảnh đẹp trong ảnh (tranh) hoặc được giới thiệu qua câu đố.

– Phát triển được kĩ năng nói – nghe tương tác qua hoạt động hỏi đáp về cảnh đẹp trong đoạn văn.

1.2. Phát triển năng lực văn học: biết thể hiện cảm xúc khi viết, nói về cảnh đẹp đất nước.

2. Góp phần phát triển năng lực chung và phẩm chất

– NL giao tiếp: tự tin khi hỏi – đáp với bạn về cảnh đẹp đất nước trong ảnh (tranh), câu đố.

– PC yêu nước: yêu quê hương, đất nước; tự hào về quê hương, đất nước.

II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

A. TRẢ BÀI VIẾT 2: *Viết về cảnh đẹp non sông*

GV trả Bài viết 2 (Bài 11): Viết đoạn văn nêu những điều em quan sát được trong bức ảnh giới thiệu một cảnh đẹp ở nước ta.

Biểu dương những câu văn, đoạn văn hay. Nêu những điều HS cần rút kinh nghiệm.

B. DẠY BÀI MỚI

1. Giới thiệu bài

Trong bài *Góc sáng tạo* hôm nay, các em sẽ chơi trò chơi *Đồ vui: Đó là cảnh đẹp nào?* với những câu đố, bức ảnh (tranh) và đoạn văn về cảnh đẹp đất nước mà các em đã chuẩn bị.

Hวัง vọng tiết học này mang lại cho các em nhiều niềm vui, nhiều điều bổ ích.

2. HĐ 1: Chuẩn bị câu hỏi và viết đoạn văn (BT 1, BT 2)

2.1. Chuẩn bị câu hỏi (BT 1)

GV kiểm tra sự chuẩn bị của HS. HS báo cáo những việc mình đã chuẩn bị (Lưu ý: Không “lộ bí mật” về nội dung câu đố, bức tranh mình chuẩn bị,...):

– Chuẩn bị câu hỏi bí mật bằng một trong ba cách:

a) Chép lại một câu đố đã học ở Bài 11.

b) Chọn sẵn một hình ảnh ở Bài 11.

c) Mang đến lớp ảnh (hoặc tranh) về một cảnh đẹp nổi tiếng ở địa phương.

– Viết câu đố vào giấy hoặc pho tô tranh, ảnh; gấp tranh, ảnh / giấy ghi câu đố lại để các bạn bắt thăm. Nếu không có điều kiện pho tô tranh ảnh, HS có thể giữ bí mật tranh, ảnh đó để đố các bạn khi đến lượt mình được ra câu hỏi.

2.2. Viết đoạn văn (BT 2)

– GV nêu yêu cầu: Mỗi HS viết một đoạn văn về cảnh đẹp đã chọn (trong tranh, ảnh hoặc câu đố đã chuẩn bị).

– HS viết đoạn văn vào giấy, gấp giấy / che đoạn văn để giữ bí mật.

Ví dụ về một đoạn văn: Đây là tấm ảnh Vườn Quốc gia Tràm Chim rất nổi tiếng ở quê mình. Vườn nằm trên 7 xã của huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp. Khách du lịch đến đây sẽ biết rất nhiều loài thực vật và động vật quý. Loài chim đặc biệt ở đây là sếu đầu đỏ – một loài chim nước rất đẹp và quý hiếm. Cá ở đây nhiều vô kể. Có những loài cá còn ít người biết tên: cá còm, cá mang hồ, cá ngựa nam, cá đuông bay, cá ét mọt,... Mình rất tự hào về Vườn Quốc gia quê mình.

3. HĐ 3: Chơi đố vui (Hỏi đáp – BT 3)

– GV tổ chức cho HS chơi trò chơi đố vui theo từng cặp: người hỏi, người đáp.

– Cách chơi: Người hỏi đưa câu đố hoặc tranh ảnh để người đáp đoán tên cảnh đẹp.

– Sau khi nghe bạn trả lời, người hỏi nhận xét về câu trả lời của bạn. Tiếp đó, người hỏi đọc đoạn văn để người trả lời và cả lớp hiểu thêm về cảnh đẹp được giới thiệu trong tranh, ảnh hoặc câu đố.

– Đổi vai sau mỗi lần đố.

– GV khen ngợi những sản phẩm sáng tạo (tranh ảnh đẹp, đoạn văn hay), những lời giải nhanh, chính xác.

– GV nhắc HS có thể mang sản phẩm về nhà giới thiệu với người thân trước khi treo ở vị trí trang trọng trong lớp học suốt tuần.

– GV khen ngợi, biểu dương HS.

TỰ ĐÁNH GIÁ

HS viết tiếp nội dung phù hợp vào chỗ trống để hoàn thiện bảng Tự đánh giá trong VBT; đánh dấu ✓ cho những việc mình đã biết hoặc đã làm được.

BÀI 12: ĐỒNG QUÊ YÊU DẤU

CHIA SẺ VỀ CHỦ ĐIỂM

(10 phút)

1. Đọc và giải câu đố

GV tổ chức trò chơi *Giải câu đố nhanh trong 1 phút*:

– GV phổ biến luật chơi: Mỗi câu đố có khoảng thời gian 1 phút để HS suy nghĩ và trả lời. Người đưa ra lời giải đúng (có thể) được nhận một phần thưởng (nhãn vở, kẹo, giấy màu, bút chì,...).

– GV/HS được chọn làm quân trò đọc nhanh lần lượt câu đố trong SGK, các HS khác giơ tay, xin giải nhanh mỗi câu đố trong 1 phút. (Cũng có thể tổ chức giải câu đố bằng trò chơi “xì điện”).

– GV khen ngợi những HS tích cực tham gia trò chơi, có lời giải đúng; khen ngợi khả năng điều hành trò chơi của bạn quân trò (nếu có quân trò).

Đáp án: a) Cánh đồng, b) Con đom đóm, c) Mặt Trăng (cũng có thể chấp nhận đáp án “Mặt Trời”).

2. Trao đổi: Các câu đố trên nói về cảnh vật, con vật ở đâu?

– 1 HS đọc câu hỏi 2 (*Chia sẻ*) và các phương án lựa chọn a, b, c.

– GV: Chúng ta vừa giải các câu đố rất thú vị. Các câu đố trên nói về cảnh vật, con vật ở đâu? Các em hãy lựa chọn câu trả lời đúng.

– HS trao đổi nhóm đôi, giơ tay phát biểu / giơ thẻ; giải thích vì sao chọn ý a / b / c...

– GV: Các câu đố trên nói về cảnh vật, con vật ở nông thôn (ý b đúng). Từ tuần này, các em sẽ biết thêm nhiều điều về nông thôn qua bài *Đồng quê yêu dấu*.

BÀI ĐỌC 1

SÔNG QUÊ

(60 phút)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Phát triển năng lực đặc thù

1.1. Phát triển năng lực ngôn ngữ

– Đọc thành tiếng trôi chảy toàn bài. Phát âm đúng các từ ngữ có âm, vần, thanh HS địa phương dễ viết sai, VD: *rung, rộn rã, lắt léo, trong trẻo, thuyền nan, lặng lẽ,*

soi bóng,... (MB); *nhã nhạc, rộn rã, lắt lẻo, trong trẻo, tuổi hoa*,... (MT, MN). Ngắt nghỉ hơi đúng.

– Hiểu nghĩa của các từ ngữ trong bài, chú ý các từ *xảo xạc, nhã nhạc, lắt lẻo, lặng lẽ, tuổi hoa*. Hiểu nội dung và ý nghĩa của bài thơ: Dòng sông yên bình, tươi đẹp; tình cảm tha thiết của bạn nhỏ với dòng sông quê hương.

– Nhận biết được các từ có nghĩa giống nhau trong bài thơ; biết đặt câu cảm để bày tỏ cảm xúc.

1.2. Phát triển năng lực văn học

Cảm nhận được vẻ đẹp yên bình của dòng sông quê và tình yêu bạn nhỏ dành cho dòng sông quê mình; bước đầu cảm nhận được giá trị gợi tả của những từ ngữ miêu tả âm thanh, hình ảnh trong bài thơ.

2. Góp phần phát triển các năng lực chung và phẩm chất

Góp phần phát triển NL tự chủ – tự học (giải quyết các nhiệm vụ học tập), NL giao tiếp – hợp tác (thông qua hoạt động nhóm, lớp). Góp phần hình thành PC yêu nước – nhân ái: yêu cái đẹp của cuộc sống; yêu thiên nhiên, quê hương, đất nước.

II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Giới thiệu bài

Mở đầu chủ điểm *Đông quê yêu dấu*, chúng ta cùng đọc bài thơ *Sông quê* để tìm hiểu về dòng sông yên bình ở làng quê của một bạn nhỏ và tình yêu bạn dành cho dòng sông quê.

2. HĐ 1: Đọc thành tiếng

– GV đọc mẫu toàn bài một lần: giọng đọc vui tươi, trong sáng, phù hợp với cảm xúc chủ đạo của bài thơ.

– GV tổ chức cho HS luyện đọc như đã hướng dẫn ở các bài trước. Kết hợp giải thích nghĩa từ *xảo xạc, nhã nhạc, lắt lẻo, lặng lẽ, tuổi hoa* (thường để chỉ tuổi thiếu niên – lứa tuổi “đẹp như hoa”) và các từ khó khác (nếu có). Chú ý hướng dẫn HS phát âm đúng từ ngữ, ngắt/ng nghỉ đúng các câu thơ, VD: *Tiếng bạn cười / trong trẻo / Vang vọng / hai bờ sông; Cho em / cùng bè bạn / Soi bóng mình / tuổi hoa!*

3. HĐ 2: Đọc hiểu

– GV mời 4 HS tiếp nối nhau đọc to, rõ 4 câu hỏi trong SGK. Cả lớp đọc thầm theo.

– HS làm việc nhóm 4, trả lời 4 câu hỏi.

– Các nhóm cử đại diện trình bày kết quả thảo luận trước lớp. (Có thể tổ chức trò chơi *Phóng vấn* hoặc sử dụng kỹ thuật *Mảnh ghép*.)

– GV nhận xét về kết quả thảo luận của các nhóm; giải thích và bổ sung các nội dung cần thiết giúp HS có câu trả lời đúng, hiểu được nội dung của các đoạn và ý nghĩa của toàn bài.

(1) Những từ ngữ, hình ảnh nào cho biết bài thơ tả cảnh một vùng quê? (Các từ ngữ: *bờ tre, bãi sè, khúc sông quê, cầu tre lắt léo, bờ sông, cầu hò, tình quê*).

(2) Tìm những hình ảnh yên bình của dòng sông quê hương. (Các hình ảnh trong bài thơ đều rất đẹp và yên bình: *bờ tre, bãi sè, cầu tre lắt léo, thuyền nan nghèo lạng lơ trôi, em cùng bè bạn soi bóng mình tuổi hoa,...*).

(3) Những âm thanh nào đem lại không khí vui tươi, ấm áp cho dòng sông? (Tiếng *bờ tre xào xạc* trong gió, tiếng *bãi sè* “nhả nhạc” rộn rã cả một khúc sông; tiếng cười của các bạn nhỏ trong trẻo, vang vọng hai bờ sông; tiếng hò mênh mông tha thiết cất lên từ những chiếc thuyền nan trên sông).

(4) Bài thơ thể hiện tình cảm của bạn nhỏ với dòng sông quê hương như thế nào? (HS nói theo cảm nhận cá nhân. VD: *Bạn nhỏ rất yêu mến dòng sông quê hương thơ mộng, yên bình. / Bạn nhỏ rất tự hào về dòng sông của quê hương. / Bạn nhỏ cảm thấy hạnh phúc vì được vui sống bên dòng sông quê hương. /...*).

4. HĐ 3: Luyện tập

4.1. Tìm các từ có nghĩa giống nhau (BT 1)

- 1 HS đọc BT1. Cả lớp đọc thầm theo.
- GV hướng dẫn cách làm bài
- GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm đôi, tìm từ có nghĩa giống nghĩa của *trong trẻo, tuổi hoa*.
- Đại diện một số nhóm báo cáo kết quả; các nhóm khác nêu ý kiến.
- GV nhận xét, kết luận đáp án đúng:
 - + Từ có nghĩa giống *trong trẻo*: *trong veo, trong sáng*.
 - + Từ có nghĩa giống *tuổi hoa*: *tuổi thơ, tuổi thiếu nhi*.

4.2. Luyện tập về câu cảm (BT 2)

- 1 HS đọc BT 2. Cả lớp đọc thầm theo.
- GV hướng dẫn cách làm BT: Đặt câu cảm để bày tỏ:
 - + Cảm xúc của em về cảnh đẹp của dòng sông.
 - + Cảm xúc của em về tiếng hò trên dòng sông.
 - + Tình cảm của em với dòng sông quê hương.
- HS làm việc cá nhân, đặt câu vào VBT hoặc vở ô li.
- Một số HS đọc câu của mình (GV chiếu bài làm của HS hoặc viết nhanh các câu lên bảng). Các HS khác nhận xét câu bạn đặt. Câu có thể hiện cảm xúc / tình

cảm... như yêu cầu của đề không? Cách đặt câu, dùng dấu câu có đúng không? Cách sử dụng từ ngữ có hay không?...

– GV nhận xét, giúp HS sửa câu cho đúng hoặc hay hơn. VD:

a) Cảm xúc của em về cảnh đẹp của dòng sông: *Dòng sông quê em đẹp quá! / Dòng sông quê em thật thanh bình! / Ôi dòng sông quê hương yên bình quá! / ...*

b) Cảm xúc của em về tiếng hò trên dòng sông: *Tiếng hò trên sông mới tha thiết làm sao! / Tiếng hò ngọt ngào, thân thương quá! / Ôi, giọng hò sao mà da diết thế! / ...*

c) Tình cảm của em với dòng sông quê hương: *Yêu lắm, sông ơi! / Ôi dòng sông thương yêu của em! / ...*

5. Học thuộc lòng

GV hướng dẫn HS học thuộc lòng tương tự như ở các bài học trước.

TỰ ĐỌC SÁCH BÁO

(HS thực hiện ở nhà)

GV giao nhiệm vụ cho HS:

1. Tự đọc sách báo ở nhà theo yêu cầu đã nêu trong SGK (về nội dung bài đọc, loại bài đọc, số lượng mỗi loại bài đọc).

2. Viết vào phiếu đọc sách: Tên bài đọc và một số nội dung chính (nhân vật hoặc sự việc, hình ảnh, câu văn, câu thơ em thích); cảm nghĩ của bản thân.

BÀI VIẾT 1

ÔN CHỮ VIẾT HOA: P, Q,

(1 tiết)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Phát triển các năng lực đặc thù

1.1. Phát triển năng lực ngôn ngữ

Ôn luyện cách viết các chữ hoa P, Q cỡ nhỏ và chữ thường cỡ nhỏ thông qua BT ứng dụng:

– Viết tên riêng: *Phủ Quốc*

– Viết câu ứng dụng: *Quê ta có dải sông Hàn / Có chùa Non Nước, có hang Sơn Trà.*

1.2. Phát triển năng lực văn học: Hiểu câu ca dao ca ngợi cảnh đẹp ở thành phố Đà Nẵng.

2. Góp phần phát triển các năng lực chung và phẩm chất

NL giao tiếp và hợp tác (biết nêu nhận xét về nét các chữ hoa). NL tự chủ và tự học (biết tự giải quyết nhiệm vụ học tập: đọc và viết chữ hoa, tên riêng, câu ứng dụng). Bồi dưỡng tình yêu quê hương đất nước; rèn tính cẩn thận, kiên nhẫn, óc thẩm mỹ khi viết chữ.

II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

1. Giới thiệu bài: GV nêu YCCĐ của bài học.

2. HĐ 1: Luyện viết trên bảng con

2.1. Luyện viết chữ hoa

– GV đưa mẫu các chữ hoa *P, Q*, gợi ý HS nhận xét, cùng cố những điều cần lưu ý khi viết. VD: Chữ *P* gồm những nét nào? Chữ *Q* gồm những nét nào? Riêng chữ *Q*, GV trình bày cả 2 kiểu chữ để HS tùy chọn một kiểu.

– GV viết mẫu, kết hợp mô tả cách viết từng chữ *P, Q*. (Có thể chiếu video mô tả cách viết các chữ *P, Q* trong SGK điện tử *Tiếng Việt 3*, tập hai).

– HS tập viết các chữ hoa *P, Q* trên bảng con.

2.2. Luyện viết ứng dụng

a) *Viết tên riêng*

– HS đọc tên riêng: *Phú Quốc*.

– GV giới thiệu: Phú Quốc là một huyện đảo của tỉnh Kiên Giang. Huyện Phú Quốc gồm đảo Phú Quốc và các đảo nhỏ xung quanh. Đảo Phú Quốc là một điểm du lịch nổi tiếng của nước ta.

– HS luyện viết tên riêng trên bảng con. GV hướng dẫn, nhận xét, rút kinh nghiệm về cách viết (nối nét, để khoảng cách giữa các chữ cái, giữa các tiếng trong tên riêng).

b) *Viết câu ứng dụng*

– HS đọc: *Quê ta có dải sông Hàn / Có chùa Non Nước, có hang Sơn Trà*.

– GV giúp HS hiểu nội dung câu ca dao: Ca ngợi cảnh đẹp của thành phố Đà Nẵng: sông Hàn chảy giữa lòng thành phố; chùa Non Nước trên núi Ngũ Hành Sơn; bán đảo Sơn Trà có nhiều hang động, bãi biển đẹp, có cây cổ thụ hàng nghìn năm tuổi và ngọn hải đăng.

– HS luyện viết trên bảng con tiếng *Quê*. GV hướng dẫn HS cách nối nét giữa chữ hoa với chữ thường và giữa các chữ thường với nhau.

3. HĐ 2: Luyện viết trong vở *Luyện viết 3*, tập hai

– GV nêu yêu cầu HS viết theo vở *Luyện viết 3*, tập hai: Các dòng chữ hoa, tên riêng, câu ứng dụng.

- HS viết vào vở *Luyện viết 3*, tập hai. GV nhắc nhở HS ngồi viết đúng tư thế; đánh giá một số bài viết; nêu nhận xét để cả lớp rút kinh nghiệm; lưu ý câu ứng dụng (thơ 6 / 8) cần trình bày như mẫu trong vở *Luyện viết 3*, tập hai.
- Khuyến khích HS tập viết chữ nghiêng (ở lớp hoặc ở nhà).

LUYỆN NÓI VÀ NGHE

TRAO ĐỔI: KÌ NGHỈ THÚ VỊ

(1 tiết)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Phát triển năng lực đặc thù

1.1. Phát triển năng lực ngôn ngữ

Trao đổi mạch lạc, trôi chảy về những chi tiết chính trong câu chuyện *Kì nghỉ thú vị*; nói được 5 – 7 câu về con vật, cây cối hoặc hoa quả. Biết lắng nghe bạn kể và nhận xét, đánh giá lời kể của bạn.

1.2. Phát triển năng lực văn học

Cảm nhận được nội dung, ý nghĩa của câu chuyện *Kì nghỉ thú vị*; kể lại được câu chuyện của mình một cách mạch lạc, truyền cảm.

2. Góp phần phát triển năng lực chung và phẩm chất

Phát triển NL giao tiếp – hợp tác (biết trao đổi với bạn về một kì nghỉ thú vị). Góp phần bồi dưỡng PC yêu thương, nhân ái: tình cảm ông cháu, tình cảm với cây cối, với các con vật.

II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

1. Giới thiệu bài

Cuộc sống ở nông thôn có biết bao điều thú vị, hấp dẫn. Đối với các em sinh ra và lớn lên ở nông thôn, vẫn có nhiều điều mới lạ mà các em chưa khám phá hết. Đối với những em sinh sống ở thành phố, mỗi lần về thăm quê, mỗi kì nghỉ cùng người thân ở ngoại thành đều là cơ hội để các em trải nghiệm, phát hiện ra bao điều mới mẻ, thú vị. Bài học hôm nay sẽ giúp các em hiểu rõ hơn điều này qua câu chuyện viết về *Kì nghỉ thú vị* của một bạn nhỏ lần đầu về quê. (GV hỏi HS đã suy nghĩ trước để chọn đề bài kể chuyện cho giờ học này chưa?).

2. HĐ 1: Chuẩn bị

2.1. Đọc câu chuyện “Kì nghỉ thú vị” (BT 1)

- GV đọc diễn cảm truyện *Kì nghỉ thú vị*. Cả lớp đọc thầm theo.
- 2 HS tiếp nối nhau đọc YC của BT 1, 2; GV treo bảng phụ hoặc chiếu lên màn hình 2 CH.
- HS cả lớp đọc thầm truyện, trả lời 2 CH.

2.2. Trao đổi về câu chuyện “Kì nghỉ thú vị” (BT 2)

GV nêu câu hỏi – HS đáp. GV nhận xét, thống nhất đáp án:

- (a) Qua kì nghỉ hè ở quê, Lâm đã biết thêm điều gì về cây, quả? (Lâm biết quả táo, quả lê ở trên cây trông thế nào; biết cây đổ với hai lá non đội đất nhô lên, quả bí dao dài thượt trên giàn, cánh đồng lúa đang trở đồng thơm mùi sữa,...)
- (b) Ông đã giúp Lâm hiểu về nguồn gốc của sữa và sự ra đời của những chú gà con bằng cách nào? (Ông cho Lâm ngắm những chú bò, nói cho Lâm biết con bò sữa cho ta sữa; ông dẫn Lâm ra chuồng gà, chỉ cho Lâm xem chú gà con ở trong quả trứng, chú phải mổ vỏ trứng để ra ngoài.)

3. HĐ 2: Nói về con vật (hoặc cây, hoa, quả) yêu thích (BT 3)

3.1. Luyện nói trong nhóm

- GV cho HS đọc BT 3; đặt câu hỏi gợi ý giúp HS hiểu yêu cầu của BT.
- GV gợi ý cho HS lựa chọn nội dung nói: Có thể chọn một con vật, loài cây, loài hoa hoặc loài quả mình thích; dựa vào gợi ý trong SGK để nói:
 - a) Giới thiệu tên con vật (hoặc cây, hoa, quả): Đó là con vật (cây, hoa, quả) gì?
 - b) Nói về đặc điểm của con vật (cây, hoa, quả): Con vật (cây, hoa, quả) ấy trông như thế nào?
 - c) Nêu lí do thích con vật (cây, hoa, quả): Vì sao em thích con vật (cây, hoa, quả) ấy?
- GV tổ chức cho HS hoạt động nhóm (4 – 5 HS): nói cho nhau nghe về con vật (hoặc cây, hoa, quả) mình thích.

3.2. Nói trước lớp

- Một số HS nói trước lớp. Có thể gắn tranh, ảnh minh hoạ để bài nói thêm hấp dẫn.
- Cả lớp lắng nghe, có thể hỏi thêm những điều chưa rõ hoặc những điều mình thích.
- GV mời HS giới thiệu bạn nói hay nhất; GV biểu dương, khen ngợi HS.

Một số VD về đoạn văn:

VD1: Mỗi lần về quê, em thường theo anh họ lùa đàn bò lên ngọn đồi thoải thoải cuối làng. Những chú bò lông mượt, hiền lành cứ thung thững gặm cỏ. Thỉnh thoảng lại có chú ngẩng lên nghe ngóng rồi cất tiếng kêu ò ò như gọi bạn. Những cặp mắt hiền từ, những cái mũi ướt ướt khiến em yêu chúng quá. Những chú bò dễ thương ấy làm cho những ngọn đồi quê em vàng rực dưới nắng chiều.

VD 2: Nếu nói đến loài quả, em thích nhất là quả dưa hấu. Bởi đó là “đặc sản” của quê em. Mùa hè tới, dọc con đường ven đê, dưa hấu được bày bán la liệt. Cô bác nông dân thu hoạch dưa từ dưới ruộng và bày bán ngay trên bờ đê, phục vụ khách qua đường. Dưới nắng hè oi bức, một miếng dưa hấu ngọt mát làm cho ta tỉnh cả người. Em yêu quê hương và yêu luôn cả những quả dưa hấu được trồng trên đất ruộng quê mình.

BÀI ĐỌC 2

HƯƠNG LÀNG

(2 tiết)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Phát triển năng lực đặc thù

1.1. Phát triển năng lực ngôn ngữ

– Đọc thành tiếng trôi chảy toàn bài. Phát âm đúng các từ ngữ có âm, vần, thanh HS địa phương dễ viết sai, VD: *làng, làn hương, thiên lí, lạ lùng, nông nân, no nê,...* (MB); *thoảng nhẹ, những, tưởng như, thơm mãi, chân chất, quen thuộc, đất quê, viên trứng cua, hít thở, quanh mằm, ngắt,...* (MT, MN). Ngắt nghỉ hơi đúng theo các dấu câu và theo ngữ nghĩa.

– Hiểu nghĩa của các từ ngữ trong bài, VD: *mộc mạc, chân chất, đượm,...* Trả lời được các câu hỏi về nội dung bài. Hiểu được nội dung, ý nghĩa của bài: Vẻ đẹp của làng quê hiện lên qua mùi hương quen thuộc, giản dị, mộc mạc nhưng nồng nàn và tình cảm sâu sắc của tác giả đối với thôn quê.

– Nhận biết và sử dụng được phép tu từ so sánh (so sánh hoạt động với hoạt động).

1.2. Phát triển năng lực văn học

Hiểu nghệ thuật sử dụng từ ngữ gợi tả, gợi cảm trong miêu tả hương làng của tác giả; cảm nhận vẻ đẹp tâm hồn, tình yêu quê hương, làng xóm của tác giả.

2. Góp phần phát triển các năng lực chung và phẩm chất

Góp phần phát triển NL giao tiếp và hợp tác (biết cùng các bạn thảo luận nhóm); NL giải quyết vấn đề và sáng tạo (phân tích, cảm nhận các chi tiết miêu tả, các từ ngữ, gợi tả mùi hương trong bài). Góp phần bồi dưỡng PC yêu nước, nhân ái (tình yêu thiên nhiên, quê hương, làng xóm; yêu thích cái đẹp).

II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Giới thiệu bài

Mỗi chúng ta chắc hẳn ai cũng đã rất nhiều lần đọc những bài văn, bài thơ miêu tả phong cảnh của làng quê. Tuy nhiên, một bài văn chỉ tập trung miêu tả các làn hương quen thuộc, mộc mạc của làng, toả ra từ làng thì không phải ai cũng đã bắt gặp. Hôm nay, các em sẽ được đọc bài văn như thế, đó là bài *Hương làng* của tác giả Băng Sơn.

2. HB 1: Đọc thành tiếng

GV tổ chức cho HS luyện đọc thành tiếng như hướng dẫn ở các bài học trước.

3. HB 2: Đọc hiểu

– GV mời 4 HS tiếp nối nhau đọc to, rõ 4 câu hỏi trong SGK.

– GV chia lớp thành các nhóm để thảo luận (khoảng 6 HS/nhóm). HS ghi ý kiến thảo luận vào phiếu nhóm (có thể mời 1 nhóm làm trên phiếu khổ lớn):

+ Với các câu hỏi 1, 2, 3: Thư kí nhóm viết lại hoặc gạch dưới từ ngữ có nội dung phù hợp trong bài;

+ Với câu hỏi 4: Sau khi trao đổi, mỗi HS ghi ý kiến của mình vào một tờ giấy, gắn lên phiếu nhóm khổ lớn (hoặc cho các bạn trong nhóm đọc trong lúc thảo luận; khi báo cáo sẽ gắn lên phần bảng lớp dành cho nhóm mình).

– Một số HS / đại diện nhóm báo cáo kết quả. Các HS khác nêu ý kiến. GV bổ sung.

(1) Mỗi khi đi trong làng, tác giả cảm nhận được điều gì? (Mỗi khi đi trong làng, tác giả luôn cảm nhận được mùi hương mộc mạc, chân chất quen thuộc của đất quê.).

(2) Tìm những từ ngữ trong bài đọc tả hương thơm của hoa, lá. (Đó là các từ ngữ: *hoa thiên lí thoảng nhẹ, bay đến rồi thoảng cái lại bay đi; hoa cau thơm lạ lùng, hoa ngâu thơm nồng nàn, tưởng như có thể sờ được, nắm được các mùi hương ấy; các loài lá đượm một mùi hương mãi không thôi...*).

(3) Ngày mùa, làng quê tác giả còn có những hương thơm đặc biệt nào? (Đó là *hương cốm, hương lúa, hương rơm rạ; ... mùi thơm từ đồng thơm vào, thơm trên đường làng, thơm ngoài sân đình, thơm trên các ngõ...*).

(4) Theo em, vì sao bài đọc có tên là *Hương làng*? HS nói suy nghĩ cá nhân. GV nhận xét, kết luận. (Bài đọc có tên là *Hương làng* vì nó miêu tả hương thơm của cây cối, hoa lá tự nhiên quen thuộc, mộc mạc, đặc trưng của làng quê.).

GV nêu nội dung, ý nghĩa của bài: Vẻ đẹp của làng quê hiện lên qua những mùi hương quen thuộc, giản dị, mộc mạc nhưng nồng nàn và tình cảm sâu sắc của tác giả với quê hương, làng xóm.

Lưu ý khi dạy đọc hiểu: Đối với HS có năng khiếu, GV có thể gợi ý cho HS cảm nhận một số chi tiết có giá trị nghệ thuật trong bài:

* Các hình ảnh so sánh:

+ Có tính tạo hình, gợi trí tưởng tượng: “Hoa ngâu như những viên trứng cua tí tẹo, ẩn sau tầng lá xanh rậm rạp, thơm nồng nàn.”.

+ Gợi cảm xúc, hồi ức: “Cứ muốn căng lồng ngực ra mà hít thở đến no nê, giống như thuở nhỏ hít hà hương thơm từ nồi cơm gạo mới mẹ bắc ra...”.

* Lặp từ để nhấn mạnh:

+ Lặp từ “thơm” nhằm nhấn mạnh hương thơm tràn ngập, bao phủ không gian làng quê vào ngày mùa: “... mùi thơm từ đồng thơm vào, thơm trên đường làng, thơm ngoài sân đình, thơm trên các ngõ...”.

+ Lặp từ “hương” nhằm tạo ấn tượng khi liệt kê các mùi thơm của làng mạc ngày mùa, hương từ cây lúa: “Đó là hương cốm, hương lúa, hương rơm rạ...”.

* Các từ ngữ miêu tả gợi tả, gợi cảm:

+ Tả mùi hương nhẹ, thoáng thoáng trong không gian: “... Hoa thiên lí cứ *thoảng* nhẹ đầu đây, bay đến rồi *thoảng* cái lại bay đi.”.

+ Tả mùi hương đậm đặc, nồng nàn trong không gian: “Tương như có thể *sờ* được, *nắm* được những làn hương ấy.”.

+ Tả mùi hương mộc mạc nhưng thấm đẫm, khó phai nhạt: “Ngắt một cái lá... hai tay mình cũng *được* *mùi* thơm mãi không thôi.”.

4. HĐ 3: Luyện tập

4.1. Tìm hiểu để – làm BT

– GV mời 2 – 3 HS nối tiếp nhau đọc BT 1, BT 2 (*Luyện tập*). Cả lớp đọc thầm theo.

– GV hướng dẫn HS tìm hiểu yêu cầu: BT 1 yêu cầu HS điền từ so sánh và từ ngữ chỉ hoạt động vào ô trống trong bảng so sánh. BT 2 yêu cầu tìm từ ngữ chỉ các hoạt động được so sánh với nhau.

– GV hướng dẫn HS cách thực hiện: BT 1 điền vào bảng so sánh, BT 2 gạch dưới từ ngữ trong câu văn, câu thơ trong phiếu học tập / VBT *Tiếng Việt 3*, tập hai.

– HS thảo luận nhóm 4, làm bài theo hướng dẫn của GV.

4.2. Báo cáo kết quả

– Một số HS báo cáo kết quả. GV chiếu bài làm của HS lên màn hình (nếu có điều kiện).

– Các HS khác nêu ý kiến; GV nhận xét, kết luận, hướng dẫn HS chữa lỗi (nếu có).

(1) Đọc câu và hoàn chỉnh sơ đồ so sánh:

Hoạt động 1	Từ so sánh	Hoạt động 2
hít thở những mùi thơm ấy	(giống) như	hít hà hương thơm từ nồi cơm gạo mới mẹ bắc ra

(2) Tìm những hoạt động được so sánh với nhau trong mỗi câu văn, câu thơ a, b, c, (SGK, tr.22): GV tổ chức cho HS báo cáo kết quả như ở BT1. Đáp án:

Câu	Hoạt động 1	Từ so sánh	Hoạt động 2
a)	lượn (lò dò)	như	trôi (trong nắng)
b)	chạy	như	lăn tròn
c)	chồm lên hụp xuống	như	nô giỡn

– GV khen ngợi, biểu dương HS.

BÀI VIẾT 2

VIẾT THƯ THĂM BẠN

(1 tiết)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Phát triển các năng lực đặc thù

1.1. Phát triển năng lực ngôn ngữ

Bước đầu viết được bức thư có nội dung thăm hỏi bạn bè, thể hiện đúng bố cục một bức thư, sử dụng từ xưng hô phù hợp. Chữ viết rõ ràng, đúng chính tả, đúng ngữ pháp.

1.2. Phát triển năng lực văn học

Thể hiện được tình cảm bạn bè qua cách sử dụng từ xưng hô, lời chào, lời chúc, lời hẹn hò,... trong thư.

2. Góp phần phát triển các năng lực chung và phẩm chất

Phát triển NL giao tiếp (thông qua việc viết thư cho bạn trong ngữ cảnh giao tiếp cụ thể). Bồi dưỡng lòng nhân ái: tình cảm bạn bè (thông qua đọc hiểu và hỏi đáp nội dung bức thư).

II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

1. Giới thiệu bài

Hôm nay, các em sẽ tập viết thư. (Hỏi HS: Có bạn nào trong lớp ta đã từng viết thư cho bạn bè, người thân?). Các em có thể viết thư để thăm hỏi, chúc mừng,

làm quen, trao đổi thông tin, trao đổi công việc... khi ở xa, không có điều kiện nói chuyện trực tiếp. Sau bài học này, các em sẽ viết được những bức thư thăm hỏi bạn bè, thể hiện đúng bố cục của một bức thư, biết cách xưng hô phù hợp, thể hiện được tình cảm của mình đối với người nhận thư,... Trước khi tập viết thư, các em hãy đọc bức thư của một bạn học sinh nhé!

2. HĐ 1: Chuẩn bị

2.1. Đọc bức thư (M) và trả lời câu hỏi

– GV mời 1 HS đọc *Thư thăm bạn*, 1 HS đọc 3 câu hỏi dưới bức thư. Cả lớp đọc thầm theo.

– Một số HS trả lời các câu hỏi:

(a) Quỳnh Ngọc viết thư cho ai? (Quỳnh Ngọc viết thư cho Hà, một người bạn cũ đã chuyển vào Đồng Nai cùng gia đình.). Dòng đầu bức thư, bạn ấy viết gì? (Đầu thư, Quỳnh Ngọc ghi địa điểm và thời gian viết thư; sau đó, viết lời chào: “Hà thân mến!”.).

(b) Quỳnh Ngọc hỏi thăm bạn về điều gì, kể với bạn những gì? (Quỳnh Ngọc hỏi thăm tình hình của Hà và những người thân của Hà – bố, mẹ, em Chi. Quỳnh Ngọc kể cho Hà biết về những cái mới ở quê mình.).

(c) Cuối bức thư, Quỳnh Ngọc viết gì? (Quỳnh Ngọc viết lời chúc, lời chào bạn, kí tên và viết tên mình.).

2.2. Trao đổi về bức thư sẽ viết

– GV mời 1 HS đọc yêu cầu của BT 2.

– GV dựa vào sơ đồ đặt câu hỏi, gợi ý HS phân tích yêu cầu của bài tập; tìm ý, sắp xếp ý, viết và hoàn chỉnh bức thư. VD:

1. Viết về gì? Bài tập 2 yêu cầu chúng ta viết thư gửi ai, về việc gì? (Đóng vai bạn Hà, viết một bức thư trả lời Quỳnh Ngọc.)

2. Tìm ý: Nội dung thư cần viết gì?

a) Trả lời những câu hỏi của bạn Quỳnh Ngọc

Trả lời những câu hỏi của Quỳnh Ngọc về sức khỏe, trường mới, thầy cô, bố mẹ và em Chi.

b) Hẹn về quê và lời chúc với bạn

– Lời chào, hẹn gặp lại, chia tay...

– Nói lời chúc của mình đối với Quỳnh Ngọc và gia đình.

3. Sắp xếp ý: Em sắp xếp các ý sẽ viết trong thư như thế nào?

- Địa điểm, ngày tháng viết thư.
- Lời chào, trả lời câu hỏi của bạn.
- Lời hẹn, lời chúc, kí tên.

4. Viết: Em sẽ dùng cặp từ xưng hô nào khi viết? Khi viết phải chú ý điều gì?

- Chọn cặp từ xưng hô phù hợp (Hà - Ngọc/minh - bạn/...)
- Viết theo dàn ý đã lập.
- Viết câu đúng, liền mạch.

5. Hoàn chỉnh: Sau khi viết xong, em cần làm gì?

- Sửa lỗi.
- Bỏ sung ý hay.

3. HĐ 2: Viết thư

- HS tập viết thư (đóng vai bạn Hà, viết thư trả lời bạn Quỳnh Ngọc).
- GV theo dõi, giúp đỡ HS.

4. HĐ 3: Giới thiệu bức thư

- 1 - 2 HS tiếp nối nhau đọc bức thư của mình. (GV có thể chiếu bức thư để HS khác dễ quan sát, dễ nhận xét).
- HS bình chọn một số bức thư hay.
- GV khen ngợi, biểu dương HS; dặn HS về đọc bức thư của mình cho người thân nghe.

Ví dụ về một bức thư:

Đồng Nai, ngày 12 tháng 11 năm 2022

Quỳnh Ngọc thương nhớ!

Nhận được thư của Ngọc, mình vui lắm! Mình, bố mẹ và em Chi đều mạnh khoẻ. Thầy cô giáo và bạn bè ở trường mới rất gần gũi, thân thiện nên mình cũng đỡ bơ vơ, Ngọc ạ.

Ngọc và gia đình vẫn khoẻ chứ? Chắc là Ngọc vẫn tham gia Câu lạc bộ *Văn tuổi thơ* đều đặn phải không?

Nghe Ngọc kể về sự thay đổi ở quê, mình vui lắm. Nghỉ hè, mình nhất định sẽ xin bố mẹ về thăm quê. Buổi tối, hai đứa mình sẽ cùng đạp xe trên con đường làng phẳng lì, cùng múa hát dưới ánh điện sáng trưng ở sân nhà văn hoá nhé.

Chúc Ngọc luôn mạnh khoẻ và học giỏi! Cho mình gửi lời hỏi thăm sức khoẻ ông bà và bố mẹ nhé!

Hà
Việt Hà

LÀNG EM

(2 tiết)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**1. Phát triển năng lực đặc thù****1.1. Phát triển năng lực ngôn ngữ**

– Đọc thành tiếng trôi chảy toàn bài. Phát âm đúng các từ ngữ có âm, vần, thanh HS địa phương dễ viết sai, VD: *làng em, nằm lặng lẽ, dáng lúa, lưỡi liềm, lao xao, lũy lồi,...* (MB); *lặng lẽ, lưỡi liềm, những đêm, trăng lặn, mặt sông, cần ăng ten, muốn hát,...* (MT, MN). Ngắt nghỉ hơi đúng theo các dấu câu và theo ngữ nghĩa.

– Hiểu nghĩa của các từ ngữ trong bài, VD: *sông Diêm, ăng ten,...* Trả lời được các câu hỏi về nội dung bài. Hiểu được nội dung, ý nghĩa của bài: Bài thơ nói về ngôi làng nên thơ, khang trang, hiện đại và cảm xúc của bạn nhỏ rất vui sướng, yêu quý ngôi làng của mình.

– Nhận biết từ có nghĩa trái ngược nhau; đặt được câu để phân biệt hai từ có nghĩa trái ngược nhau.

1.2. Phát triển năng lực văn học

Cảm nhận được cái hay của việc sử dụng hình ảnh so sánh và các cặp từ có nghĩa trái ngược nhau trong bài; cảm nhận được tình cảm vui sướng, yêu quý làng mình của bạn nhỏ trong bài.

2. Góp phần phát triển các năng lực chung và phẩm chất

NL giao tiếp và hợp tác (biết cùng các bạn thảo luận nhóm), NL giải quyết vấn đề – sáng tạo (hoàn thành nhiệm vụ học tập; biết đặt câu để phân biệt hai từ trái nghĩa); PC yêu nước, nhân ái (yêu quý quê hương; góp phần làm cho làng quê, xóm phố thêm đẹp; vui sướng trước sự đổi thay của quê hương).

II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**1. Giới thiệu bài**

Tiếp tục chủ điểm *Đồng quê yêu dấu*, hôm nay, chúng ta sẽ đọc bài *Làng em* của tác giả Bùi Hoàng Tám. Đọc bài thơ, các em sẽ thấy được sự thay đổi của nông thôn ngày nay so với nông thôn xưa.

2. HĐ 1: Đọc thành tiếng

GV tổ chức cho HS đọc thành tiếng như đã hướng dẫn ở các bài trước.

3. HĐ 2: Đọc hiểu

– GV mời 4 HS tiếp nối nhau đọc to, rõ 4 câu hỏi trong SGK. Cả lớp đọc thầm theo.
– HS thảo luận nhóm (3 – 4 HS/nhóm), trả lời 4 câu hỏi trong VBT/phiếu học tập cá nhân/phiếu nhóm.

– Hoạt động lớp: Các nhóm cử đại diện trình bày kết quả thảo luận trước lớp. GV cùng cả lớp nhận xét, phân tích, bổ sung ý kiến, rút ra nội dung, ý nghĩa toàn bài.

(1) Làng quê của bạn nhỏ ở đâu? Hình dáng ngôi làng có gì đặc biệt? (Làng quê của bạn nhỏ nằm bên bờ sông Diêm; hình dáng ngôi làng mềm mại như dáng lúa, cong như hình lưỡi liềm.)

(2) Làng quê đã đổi thay như thế nào so với trước kia? (Làng quê đã có rất nhiều thay đổi: có các ngôi nhà cao tầng; những con đường rộng thênh thang thay cho con đường lầy lội trước kia; nhiều căn ống ten vươn lên trời cao; trong làng có nhiều tivi, nhiều ra đi ô; trường làng rất khang trang.)

(3) Ngôi trường mới được bạn nhỏ miêu tả như thế nào? (Ngôi trường mới của bạn nhỏ rất khang trang, nằm dưới những hàng cây rợp mát.)

(4) Hai dòng thơ cuối thể hiện điều gì? (Hai dòng thơ cuối cho biết về cảm xúc của bạn nhỏ: vui sướng vì sự đổi thay của quê hương, yêu quý ngôi làng của mình.)

GV nêu nội dung, ý nghĩa của bài: Bài thơ là lời bạn nhỏ giới thiệu ngôi làng nên thơ, khang trang, hiện đại của mình. Bài thơ cũng bày tỏ cảm xúc vui sướng, yêu quý làng mình của bạn nhỏ.

** Lưu ý khi dạy đọc hiểu:* Cần khai thác các chi tiết nghệ thuật trong bài, góp phần phát triển năng lực văn học và các PC nhân ái, yêu nước của HS, VD:

– Hình ảnh so sánh rất nên thơ: *Làng mềm như dáng lúa/ Cong cong hình lưỡi liềm.*
– Các từ ngữ làm nổi bật sự đổi thay của ngôi làng so với trước kia: *những con đường rộng thênh thang; ngôi trường khang trang.*

4. HĐ 3: Luyện tập

4.1. Tìm hiểu để – làm BT

– 2 – 3 HS nối tiếp nhau đọc BT 1, BT 2 (*Luyện tập*). Cả lớp đọc thầm theo.
– HS thảo luận nhóm đôi; sau đó làm BT 1, BT 2, BT 3 vào VBT / vở ô li / phiếu học tập.
– HS báo cáo kết quả.

4.2. Báo cáo kết quả

(1) Tìm từ có nghĩa trái ngược với từ in đậm trong câu thơ “Những con đường lầy lội / Giò đã rộng thênh thang”.

– HS phát biểu. GV chốt đáp án đúng: Từ có nghĩa trái ngược với *rộng* là *hẹp*, *chật hẹp*, *nhỏ*, *bé*,... (Có thể nói thêm: Qua đó, em hiểu con đường trước đây chật hẹp và lầy lội.).

(2) Gấp đúng để được các cặp từ có nghĩa trái ngược nhau.

Có thể tổ chức cho HS báo cáo bằng 1 hình thức gợi ý dưới đây:

+ GV chiếu bài làm của HS lên bảng – HS báo cáo kết quả.

+ GV chuẩn bị sẵn các thẻ từ – HS chia thành các đội, thi tiếp sức ghép nhanh, ghép đúng các thẻ thành 3 cặp từ có nghĩa trái ngược nhau.

+ “Xi điện”: HS1 đọc một từ bất kì, chỉ định HS 2 đọc từ có nghĩa trái ngược với từ đó.

– GV chốt đáp án đúng: *lặng lẽ* – *ồn ào*; *mọc* – *lặn*; *khang trang* – *lụp xụp*.

(3) Đặt câu phân biệt hai từ có nghĩa trái ngược nhau vừa tìm được trong bài tập 2.

– Một số HS đọc câu mình đã đặt (GV chiếu bài của HS lên bảng / chép nhanh các câu HS đọc.)

– Cả lớp nêu ý kiến; GV nhận xét (về cấu tạo câu, nội dung câu, việc dùng từ – đặc biệt là từ có nghĩa trái ngược nhau,...). Với mỗi cặp từ có nghĩa trái ngược nhau, HS có thể đặt thành 2 câu hoặc 1 câu. VD:

+ Mặt Trời ***lặn***, lũy tre làng chìm trong bóng chiều.

+ Mặt Trời ***mọc***, cả ngôi làng bừng sáng.

+ Những ngôi nhà ***lụp xụp*** xưa giờ đây đã được thay thế bằng những ngôi nhà cao tầng ***khang trang***, rộng rãi.

BÀI VIẾT 3

CHÍNH TẢ

(1 tiết)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Phát triển các năng lực đặc thù

1.1. Phát triển năng lực ngôn ngữ

– Nhớ – viết chính xác 3 khổ thơ đầu của bài thơ *Sông quê*. Biết trình bày bài viết thể loại thơ 5 chữ.

– Làm đúng BT phân biệt tiếng có âm đầu s / x hoặc phân biệt tiếng có âm cuối n / ng.

1.2. Phát triển năng lực văn học

Cảm nhận được cái hay, cái đẹp của những câu thơ, đoạn văn trong các bài tập chính tả.

2. Góp phần phát triển năng lực chung và phẩm chất

Phát triển NL tự chủ – tự học (nhớ – viết, làm BT), NL giao tiếp – hợp tác (trao đổi, thảo luận cùng bạn). Góp phần bồi dưỡng tình yêu thiên nhiên, yêu đất nước qua nội dung bài chính tả.

II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Giới thiệu bài: GV nêu YCCĐ của bài học.

2. HĐ 1: Nhớ – viết

2.1. Chuẩn bị

- GV nêu nhiệm vụ và đọc mẫu 3 khổ thơ đầu của bài thơ *Sông quê*.
- GV mời 1 HS đọc thuộc lòng 3 khổ thơ, cả lớp đọc thầm theo để ghi nhớ.
- GV / 1 HS nói lại cách trình bày bài thơ 4 chữ: Bài chính tả có 3 khổ thơ. Mỗi khổ 4 dòng. Mỗi dòng có 4 tiếng. Giữa các khổ thơ để trống 1 dòng. Tên bài thơ, chữ đầu mỗi dòng thơ viết hoa, lùi vào 3 ô so với lề vở.
- HS cả lớp đọc thầm 3 khổ thơ, viết vào giấy nháp các từ ngữ dễ viết sai chính tả.

2.2. Viết bài

- HS đọc lại 1 lần 3 khổ thơ trong SGK để ghi nhớ.
- HS gấp SGK, nhớ lại 3 khổ thơ và viết bài.

2.3. Sửa bài

HS tự sửa lỗi (gạch chân từ viết sai, viết từ đúng bằng bút chì ra lề vở hoặc cuối bài chính tả). GV chữa 5 – 7 bài. Có thể chiếu bài của HS lên bảng lớp để cả lớp quan sát, nhận xét bài về các mặt: nội dung, chữ viết, cách trình bày.

3. HĐ 2: Làm BT lựa chọn (BT 2)

- Chọn chữ phù hợp với ô trống.
- GV nêu YC của BT, chọn cho HS làm BT 2a hay 2b, tùy theo phương ngữ của các em.

3.1. BT 2a (Chữ s hay x?)

- 1 HS đọc YC của BT và đoạn văn. Cả lớp đọc thầm theo.
- Cả lớp làm bài vào vở *Luyện viết 3*, tập hai.
- GV treo bảng phụ (hoặc chiếu slide) có BT 2a; HS nối tiếp nhau đọc / gắn thẻ / viết s hoặc x vào ô trống.
- Cả lớp nhận xét, hoàn thiện. GV nhận xét, chốt lại đáp án đúng.
- 1 HS đọc lại đoạn văn đã điền đúng và đủ các chữ. Cả lớp sửa bài (nếu làm chưa đúng).

Đáp án: sương sớm, sáng bùng, chim sáo, xôn xang.

3.2. BT 2b (Chọn chữ **n** hay **ng**?)

- 1 HS đọc YC của BT và các dòng thơ. Cả lớp đọc thầm theo.
- HS làm bài vào vở *Luyện viết 3*, tập hai.
- GV treo bảng phụ (hoặc chiếu slide) có BT 2b; HS nối tiếp nhau đọc / gắn thẻ / viết **n** hoặc **ng** vào ô trống.
- Cả lớp nhận xét, hoàn thiện. GV nhận xét, chốt lại đáp án đúng.
- 1 HS đọc lại đoạn văn đã điền đúng và đủ các chữ. Cả lớp sửa bài (nếu làm chưa đúng).

Đáp án: băng, xoan, nhìn, quên, đèn, xuân.

4. HĐ 3: Làm BT lựa chọn (BT 3)

Chọn tiếng phù hợp với ô trống.

GV nêu YC của BT, chọn cho HS làm BT 3a hay 3b, tùy theo phương ngữ của các em.

4.1. BT 3a (Chọn tiếng **sẻ** hay **xẻ**?)

- 1 HS đọc YC của BT và các tiếng. Cả lớp đọc thầm theo.
- Cả lớp làm bài vào vở *Luyện viết 3*, tập hai: dựa vào nghĩa của tiếng bên cạnh chỗ trống để chọn điền tiếng **sẻ** hoặc tiếng **xẻ** vào chỗ trống cho đúng.
- GV treo bảng phụ (hoặc chiếu slide) có BT 3a; HS nối tiếp nhau đọc / gắn thẻ / viết **sẻ** hoặc **xẻ** vào ô trống.
- Cả lớp nhận xét, hoàn thiện. GV nhận xét, chốt lại đáp án đúng.
- 1 HS đọc lại đoạn văn đã điền đúng và đủ các chữ. Cả lớp sửa bài (nếu làm chưa đúng).

Đáp án: chia sẻ, cưa xẻ, sườn sẻ, san sẻ.

4.2. BT 3b (Chọn tiếng **bản** hay **bảng**?)

- 1 HS đọc YC của BT và các tiếng. Cả lớp đọc thầm theo.
- Cả lớp làm bài vào vở *Luyện viết 3*: dựa vào nghĩa của tiếng bên cạnh chỗ trống để chọn điền tiếng **bản** hoặc tiếng **bảng** vào chỗ trống cho đúng.
- GV treo bảng phụ (hoặc chiếu slide) có BT 3b; HS nối tiếp nhau đọc / gắn thẻ / viết **bản** hoặc **bảng** vào ô trống.
- Cả lớp nhận xét, hoàn thiện. GV nhận xét, chốt lại đáp án đúng.
- 1 HS đọc lại đoạn văn đã điền đúng và đủ các chữ. Cả lớp sửa bài (nếu làm chưa đúng).

Đáp án: bảng lớp, bản làng, bản báo cáo, bảng vàng thi đua.

- GV biểu dương, khen ngợi HS.

KỂ CHUYỆN: KHO BÁU

(1 tiết)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Phát triển năng lực đặc thù

1.1. Phát triển năng lực ngôn ngữ

Nghe hiểu và nhớ nội dung câu chuyện *Kho báu*; Dựa vào tranh minh họa và câu hỏi gợi ý, trả lời được các CH; kể lại được từng đoạn và toàn bộ văn bản; biết kết hợp lời nói với cử chỉ, điệu bộ, nét mặt,... trong khi kể. Hiểu ý nghĩa của câu chuyện: Cần yêu quý đất đai, chăm lao động.

1.2. Phát triển năng lực văn học

Hiểu được ý nghĩa của câu chuyện: Nếu biết yêu quý đất đai, lao động chăm chỉ thì sẽ có cuộc sống ấm no, hạnh phúc.

2. Góp phần phát triển năng lực chung và phẩm chất

Góp phần phát triển NL giao tiếp và hợp tác (nghe – kể, trao đổi với bạn); năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo (rút ra ý nghĩa của câu chuyện và bài học cho bản thân). Góp phần phát triển các phẩm chất chăm chỉ, trách nhiệm (chăm lao động, trân trọng giá trị lao động).

II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Giới thiệu bài

Nông thôn không chỉ đẹp về cảnh sắc; không chỉ hấp dẫn chúng ta bởi những cánh đồng, dòng sông, những ngọn đồi, những ngôi làng xanh mát, bình yên; mà ở đó, chúng ta còn được sống trong những tình cảm gần gũi, mộc mạc, chân thành, học hỏi được những đức tính cần cù, chịu khó, những bài học sâu sắc, thấm thía từ người nông dân. Câu chuyện *Kho báu* sẽ giúp các em hiểu thêm về điều này.

2. HĐ 1: Nghe và kể lại câu chuyện

2.1. Giới thiệu câu chuyện

GV tạo tâm thế học tập cho HS bằng hoạt động phù hợp; chỉ tranh, giới thiệu câu chuyện sẽ kể.

2.2. Nghe kể chuyện

– GV kể cho HS nghe toàn bộ câu chuyện: Kể diễn cảm, chú ý cách mở đầu, kết thúc hấp dẫn; Chú ý giọng của người dẫn chuyện; giọng của người cha. (Lần 1)

– GV nêu 5 câu hỏi gợi ý của SGK để định hướng chú ý của HS.

– GV kể cho HS nghe lần lượt từng đoạn câu chuyện (lần 2), kết hợp sử dụng tranh minh họa và đặt câu hỏi sau mỗi đoạn chuyện cho HS trả lời; giúp HS ghi nhớ các tình tiết của câu chuyện.

– GV kể lần 3 (hoặc cho HS xem video kể chuyện).

Dưới đây là nội dung câu chuyện:

Kho báu

1. Ngày xưa, có hai vợ chồng người nông dân kia rất cần cù, chịu khó. Hai ông bà thường ra đồng từ lúc gà gáy sáng và trở về nhà khi đã lặn Mặt Trời. Đến vụ lúa, họ cấy lúa, gặt hái xong, lại trồng khoai, trồng cà. Họ không để cho đất nghỉ, mà cũng chẳng lúc nào ngơi tay. Nhờ làm lụng chuyên cần, họ đã gây dựng được một cơ ngơi đáng hoàng.

2. Nhưng rồi, hai ông bà mỗi ngày một già yếu. Hai con trai của họ đều ngại làm ruộng, chỉ mơ chuyện hão huyền. Ít lâu sau, bà lão qua đời. Rồi ông lão cũng lâm bệnh nặng. Biết mình khó lòng qua khỏi, ông dặn dò các con:

– Cha không sống mãi để lo cho các con được. Ruộng nhà có một kho báu, các con hãy tự đào lên mà dùng.

3. Theo lời cha, hai người con đào bới cả đám ruộng mà chẳng thấy kho báu đâu. Vụ mùa đến, họ đành trồng lúa. Nhờ làm đất kĩ, vụ ấy lúa bội thu. Hết mùa, hai người con lại ra công đào bới mà vẫn không tìm được gì. Mùa tiếp theo, họ lại đánh trồng lúa và vụ ấy lúa cũng bội thu.

Liên tiếp mấy vụ liền được mùa, hai anh em có của ăn của để. Lúc ấy, họ mới hiểu lời dặn dò khi trước của người cha.

Theo Ngụ ngôn B-đốp (Nguyệt Tú dịch)

– *Kho báu*: chỗ cất giữ nhiều của cải quý.

– *Cơ ngơi*: nhà cửa, ruộng vườn, tài sản, ...

– *Đáng hoàng*: ý nói đầy đủ.

– *Hão huyền*: không thể có thật hoặc không thể thành sự thật.

– *Bội thu*: thu được nhiều hơn bình thường.

– *Của ăn của để*: của cải đủ dùng và còn có để dành.

2.3. Trả lời câu hỏi

GV nêu câu hỏi – HS trả lời các câu hỏi (thực hiện nhanh):

(a) Hai vợ chồng người nông dân chịu khó như thế nào? (Hai ông bà thường ra

đồng từ lúc gà gáy sáng và trở về nhà khi đã lặn Mặt Trời; đến vụ lúa, họ cấy lúa; gặt hái xong, họ lại trồng khoai, trồng cà. Họ không để cho đất nghỉ; chẳng lúc nào ngơi tay.)

b) Tính tình hai người con của họ ra sao? (Hai con của họ đều lười biếng / không chăm chỉ: ngại làm ruộng, chỉ mơ chuyện hão huyền.)

c) Trước khi mất, người cha dặn dò các con điều gì? (Người cha nói: "... Ruộng nhà có một kho báu, các con hãy tự đào lên mà dùng.")

d) Hai người con đã làm gì? Không tìm thấy thứ cha nói, họ làm gì? (Theo lời cha, hai người con đào bới cả đám ruộng để tìm kho báu. Vụ mùa đến mà vẫn chưa thấy kho báu, họ đành trông lúa. Hết mùa lúa, họ lại đào bới tiếp.)

e) Cuối cùng, hai người con đã như thay đổi như thế nào? (Họ đã hiểu lời cha dặn: muốn có nhiều của cải thì phải cần cù lao động, họ đã trở thành những người lao động chăm chỉ.)

2.4. Kể chuyện trong nhóm

– HS tập kể chuyện trong nhóm (mỗi nhóm 3 HS): Tập kể từng đoạn câu chuyện, sau đó tập kể toàn bộ câu chuyện (luân phiên để mỗi HS được kể tất cả các đoạn).

– GV theo dõi, giúp đỡ HS kể chuyện.

2.5. Thi kể chuyện trước lớp

– Các nhóm cử đại diện/HS xung phong kể chuyện trước lớp (kể từng đoạn và kể toàn bộ câu chuyện).

Có thể tổ chức cho HS bắt thăm đoạn kể (hoặc mở ô cửa bí mật) và tổ chức kể nối tiếp.

– GV tổ chức cho HS nhận xét, đánh giá bài kể của các nhóm / các bạn.

3. HĐ 2. Trao đổi về nội dung, ý nghĩa câu chuyện

– 1 HS đọc BT 2 trong SGK.

– HS thảo luận nhóm đôi (nhANH); xung phong trả lời câu hỏi. Các HS khác nhận xét, bổ sung ý kiến.

– GV tổng kết:

(a) Kho báu mà người cha dặn các con tìm chính là thành quả của sức lao động, của sự cần cù, chăm chỉ.

(b) Câu chuyện khuyên chúng ta yêu quý đất đai và chăm chỉ lao động: Nếu biết yêu quý đất đai, lao động chăm chỉ thì sẽ có cuộc sống ấm no, hạnh phúc.

– GV biểu dương, khen ngợi HS; khuyên HS chăm chỉ, làm những việc vừa sức phục vụ bản thân và giúp đỡ người thân, bạn bè.

PHÉP MẪU TRÊN SA MẠC

(2 tiết)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**1. Phát triển các năng lực đặc thù****1.1. Phát triển năng lực ngôn ngữ**

– Đọc trôi chảy toàn bài. Phát âm đúng từ phiên âm tên riêng nước ngoài *I-xra-en*, các từ ngữ có âm, vần, thanh HS địa phương dễ viết sai, VD: *múi đá, nước, xen lẫn,...* (MB); *phép mẫu, khắc nghiệt, kĩ thuật, nhỏ giọt, phát triển, phủ xanh, xen giữa, xuất khẩu thủy sản,...* (MT, MN). Ngắt nghỉ hơi đúng theo các dấu câu và theo ngữ nghĩa.

– Hiểu nghĩa của các từ ngữ trong bài, VD: *I-xra-en, sa mạc, thủy sản, thu nhập bình quân,...* Trả lời được các câu hỏi về nội dung bài. Hiểu ý nghĩa của bài: Trí thông minh và sự sáng tạo đã giúp người *I-xra-en* chiến thắng thiên nhiên khắc nghiệt, tạo nên những cánh đồng xanh tốt, những trang trại thủy sản trù phú trên sa mạc khô cằn, đưa *I-xra-en* trở thành một nước giàu mạnh.

– Mở rộng vốn từ về nông thôn. Nhận biết và sử dụng được bộ phận trả lời cho câu hỏi *Bằng gì?*.

1.2. Phát triển năng lực văn học

Cảm nhận được sự diệu kì trong thành quả lao động của người dân *I-xra-en* qua các chi tiết đối lập nhau trong văn bản (giữa những khắc nghiệt của thiên nhiên và thành quả tuyệt vời như phép màu của người dân).

2. Góp phần phát triển các năng lực chung và phẩm chất

NL giao tiếp và hợp tác (biết cùng các bạn thảo luận nhóm); PC chăm chỉ (cần cù, vượt qua khó khăn, sáng tạo trong học tập và lao động).

II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**1. Giới thiệu bài**

Ở các bài đọc trước, các em đã tìm hiểu về con người và cảnh sắc nông thôn Việt Nam. Hôm nay, chúng ta cùng đọc bài *Phép mẫu trên sa mạc* để biết ở nước *I-xra-en*, người nông dân đã làm nên điều kì diệu gì trên sa mạc khô cằn với khí hậu khắc nghiệt nhé.

2. HĐ 1: Đọc thành tiếng

GV tổ chức cho HS luyện đọc như đã hướng dẫn ở các bài học trước.

3. HĐ 2: Đọc hiểu

- GV mời 3 HS tiếp nối nhau đọc to, rõ 3 câu hỏi trong SGK.
- GV tổ chức cho HS thảo luận, trả lời câu hỏi theo 1 trong 2 hình thức sau:
- + HS thảo luận nhóm (mỗi nhóm 3 – 4 HS); trả lời 3 câu hỏi trong phiếu.
- + Tổ chức theo kỹ thuật *Mảnh ghép*: mỗi nhóm *chuyên* trả lời 1 câu hỏi, theo phân công của GV; sau đó, ở nhóm *ghép*, HS sẽ thảo luận cả 3 câu hỏi.
- Một số nhóm báo cáo kết quả thảo luận; các nhóm khác nêu ý kiến, bổ sung.
- GV nhận xét về kết quả thảo luận của các nhóm; giải thích và bổ sung thêm các nội dung cần thiết giúp HS có câu trả lời đúng, hiểu được nội dung của các đoạn và ý nghĩa của toàn bài.

(1) Người dân I-xra-en đã biến sa mạc thành đồng ruộng xanh tốt bằng cách nào? (Người dân I-xra-en đã biến sa mạc thành ruộng đồng xanh tốt bằng kỹ thuật tưới nhỏ giọt, tiết kiệm nước và đảm bảo cung cấp nước, phân bón thường xuyên cho cây trồng.)

(2) Các trang trại thủy sản của I-xra-en được lập ra ở đâu? (Các trang trại thủy sản được xây dựng ngay trên sa mạc khô cằn, xen giữa những cánh đồng cà chua, anh đào, ô liu,...)

(3) Nhờ đâu mà người I-xra-en đã làm nên “phép màu trên sa mạc”? (Nhờ sự cần cù, trí thông minh, sáng tạo, người I-xra-en đã làm nên “phép màu trên sa mạc”).

- GV nêu ý nghĩa của bài: Bài viết thể hiện sự thần phục của tác giả trước óc sáng tạo, sự cần cù và ý chí của người dân I-xra-en. Họ đã thực sự tạo ra “phép màu” khi biến sa mạc vốn khô cằn, tưởng như không một giọt nước, thường không có cây cối nào mọc được thành những cánh đồng xanh tươi, những trang trại thủy sản lớn... (Chú ý khai thác tên bài *Phép màu trên sa mạc*.)

4. HĐ 3: Luyện tập

4.1. Tìm hiểu để – làm BT

- 2 HS nối tiếp nhau đọc 2 BT *Luyện tập*. Cả lớp đọc thầm theo.
- HS hoạt động cá nhân:
- + Gạch chân câu trong bài có sử dụng từ “bằng” (BT 1).
- + Xếp các từ ngữ vào nhóm phù hợp (BT 2).

4.2. Báo cáo kết quả

(1) Tìm bộ phận trả lời cho câu hỏi *Bằng gì?* (BT 1)

- 1 HS thực hiện bài tập trước lớp. (GV chiếu bài làm của HS lên bảng/GV chiếu bài đọc – HS gạch dưới các câu có từ **bằng**). Các HS khác nêu ý kiến.
- GV nhận xét, nêu đáp án đúng (chiếu đáp án đúng lên bảng):

a) I-xra-en phát triển chủ yếu bằng trí óc sáng tạo.

b) Người I-xra-en đã biến sa mạc thành ruộng đồng xanh tốt bằng kỹ thuật tưới nhỏ giọt.

(2) Tìm các từ ngữ chỉ những sự vật thể hiện đặc điểm của nông thôn mới:

– GV trình chiếu BT 2 trên bảng, một số HS trình bày kết quả. Các HS khác nêu ý kiến nhận xét.

– GV nhận xét và chốt đáp án đúng: Các từ ngữ chỉ những sự vật thể hiện đặc điểm của nông thôn mới là *lũn-tơ-nét, nhà văn hoá, đèn điện, kỹ thuật mới, đường nhựa, máy nông nghiệp*.

GV bổ sung: Các từ ngữ **đường đất, đèn dầu, lớp học tạm, nhà lá** chỉ những sự vật thể hiện đặc điểm của nông thôn trước kia, khi điều kiện sống còn nhiều khó khăn, thiếu thốn; khoa học kỹ thuật chưa phát triển.

– GV nhận xét tiết học, khen ngợi, biểu dương những HS học tốt.

– Nhắc HS chuẩn bị cho tiết Góc sáng tạo: *Thư gửi người thân*.

GÓC SÁNG TẠO

THƯ GỬI NGƯỜI THÂN

(1 tiết)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Phát triển các năng lực đặc thù

1.1. Phát triển năng lực ngôn ngữ

Viết được bức thư cho người thân theo 1 trong 2 đề (Nêu cảm xúc của em về con người (hoặc cảnh vật) ở nông thôn sau một chuyến về thăm quê (hoặc một kì nghỉ ở nông thôn) / Kể về những thay đổi tốt đẹp gần đây ở địa phương em); trình bày đúng hình thức một lá thư (rõ vị trí dòng ghi ngày, tháng, năm; dòng ghi lời chào; dùng từ xưng hô phù hợp); chữ viết rõ ràng, đúng chính tả, ngữ pháp. Biết viết phong bì thư.

1.2. Phát triển năng lực văn học

Bộc lộ được cảm xúc của bản thân khi kể; thể hiện được tình cảm và thái độ lịch sự (lễ phép với ông, bà, cô, chú, bác,...); sử dụng từ xưng hô, lời chào, lời chúc,... phù hợp.

2. Góp phần phát triển các năng lực chung và phẩm chất

– Góp phần phát triển NL giao tiếp thông qua việc viết thư cho đối tượng giao tiếp cụ thể, góp phần phát triển NL tự chủ khi tập gửi thư.

– Bồi dưỡng tình cảm gia đình thông qua việc viết thư, đồng thời củng cố ý thức

và niềm tin về xây dựng nông thôn mới; bồi dưỡng tình cảm yêu quê hương, yêu thiên nhiên.

II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

A. TRẢ BÀI VIẾT 2: *Viết thư thăm bạn*

GV trả Bài viết 2 (Bài 12): *Viết thư thăm bạn* (trả lời bức thư của bạn).

Biểu dương những câu văn, đoạn văn hay. Nêu những điều HS cần rút kinh nghiệm.

B. DẠY BÀI MỚI

1. Giới thiệu bài

Trong tiết học trước, các em đã học cách viết một bức thư thăm hỏi bạn bè. Hôm nay, chúng ta sẽ học cách viết thư cho người thân (ông, bà, chú, bác, cô, dì,...) để kể cho người thân nghe về nội dung các bài tập đọc hoặc kể chuyện đã học trong tuần; đồng thời, tập viết phong bì thư, dán tem thư,... Mong rằng, sau tiết học này, tất cả chúng ta đều thành thạo trong việc viết một bức thư, gửi thư.

2. HĐ 1: Chuẩn bị

– GV mời 1 HS đọc trước lớp YC của BT 1.

– GV cho HS chọn đề 1 hoặc đề 2.

– GV đặt câu hỏi gợi ý (mời 1 HS làm mẫu). VD:

+ *Em sẽ viết thư gửi ai? (Em sẽ viết thư gửi ông nội em / gửi nội em.)*

+ *Dòng đầu thư, em sẽ viết thế nào? (Em viết nơi viết thư, ngày, tháng, năm viết thư, VD: Nghệ An, ngày... tháng... năm 2022).*

+ *Em dùng cặp từ xưng hô nào để thể hiện sự kính trọng? (Em sẽ viết: Ông kính yêu của cháu! / Nội yêu quý của con!/...)*

+ *Trong phần nội dung, em sẽ hỏi thăm ông điều gì, kể cho ông nghe điều gì? (Em sẽ hỏi thăm sức khỏe của ông, kể cho ông nghe về cảm xúc của em sau một chuyến về thăm quê (một kì nghỉ ở nông thôn) / kể về những thay đổi tốt đẹp gần đây ở địa phương em.)*

+ *Phần cuối thư, em chúc ông điều gì, hứa hẹn điều gì? (Em sẽ chúc ông luôn mạnh khỏe. Em hứa sẽ đi thăm ông vào kì nghỉ hè tới.)*

+ *Kết thúc lá thư, em viết gì? (Em viết lời chào ông, kí tên và viết tên của em.)*

3. HĐ 2: Viết thư (BT 1, BT 2)

– HS viết thư vào giấy đã chuẩn bị. HS minh họa nội dung bức thư: vẽ tranh minh họa, hoặc gắn tranh ảnh chuẩn bị sẵn.

– GV đến từng bàn giúp đỡ HS yếu, kém; khuyến khích HS khá, giỏi viết, sáng tạo; phát hiện những bức thư hay.

– GV mời một vài em đọc thư trước lớp.

– Cả lớp và GV nhận xét, khen ngợi những HS viết thư hay, diễn đạt lưu loát; dùng từ xưng hô phù hợp, tình cảm; minh họa đẹp, phù hợp nội dung bức thư.

– GV đọc, chữa 5 – 7 bức thư (lỗi chính tả, từ, câu,...). HS tự chữa lỗi trong bức thư của mình (nếu có).

Ví dụ về một số bức thư:

Bức thư thứ nhất:

Hà Tĩnh, ngày 15 tháng 2 năm 2022

Di yêu quý!

Lâu lắm không được gặp di, cháu nhớ di lắm. Tết năm sau, cháu sẽ xin bố mẹ vào Nha Trang ăn Tết cùng di.

Năm nay, bố mẹ cháu cho chị em cháu về quê ăn Tết, cháu xúc động lắm di ạ. Bà con ở quê ai cũng quý cháu. Thấy cháu về, ai cũng đến hỏi thăm về công việc của bố mẹ, việc học hành của cháu và em Chi. Bác Lan gói tặng cháu chiếc bánh chưng xinh xinh, cô Hà cho cháu gói mứt gừng tự làm. Em Nam rủ cháu đi chợ Tết và mua cho cháu con gà trống nhỏ làm bằng bột nếp. Ở quê, ai cũng gần gũi, tình cảm. Về thành phố đã lâu mà cháu cứ nhớ mãi những ngày ở quê.

Thư đã dài, cháu xin dừng bút ạ. Cháu kính chúc di mạnh khỏe ạ.

Cháu của di

Quỳnh Ngọc

Bức thư thứ hai:

Nghệ An, ngày 27 tháng 2 năm 2022

Ông kính yêu của cháu!

Ông có khỏe không ạ? Chủ nhật vừa rồi, cháu được cùng bố mẹ về thăm quê ngoại. Cháu vui lắm ông ạ, cháu vội viết thư kể cho ông nghe đây.

Quê ngoại dạo này đẹp lắm. Đi qua khỏi cánh đồng rộng mênh mông, lúa xanh mướt mới về đến làng. Con đường làng cũng được rải nhựa phẳng lì, chẳng khác gì ở thành phố. Hai bên đường, những khóm hoa hướng dương, hoa thạch thảo khoe sắc trong nắng. Các khu vườn cây cối tốt tươi được bao quanh bởi những bức tường cao màu trắng tinh tươm. Quê ngoại đã thay đổi nhiều lắm so với mấy năm trước ông ạ.

Ông ơi, cháu còn nhiều chuyện hay lắm, cháu sẽ kể tiếp trong những thư sau. Cháu kính chúc ông luôn mạnh khỏe ạ.

Cháu chào ông ạ.

Cháu Minh An

**Mang cuộc sống vào bài học
Đưa bài học vào cuộc sống**



BỘ SÁCH GIÁO KHOA LỚP 3
Cánh Diều

- 
1. Tiếng Việt 3 (Tập một, Tập hai)
2. Toán 3 (Tập một, Tập hai)
3. Đạo đức 3
4. Tự nhiên và Xã hội 3
5. Tin học 3
6. Công nghệ 3
7. Giáo dục thể chất 3
8. Âm nhạc 3
9. Mỹ thuật 3
10. Hoạt động trải nghiệm 3
11. Tiếng Anh 3 Explore Our World

TÌM ĐỌC

**CÁC SÁCH BỔ TRỢ VÀ THAM KHẢO LỚP 3 (Cánh Diều)
THEO TỪNG MÔN HỌC**

Quét mã QR hoặc dùng duyệt trình web để truy cập
website bộ sách Cánh Diều: www.hoc10.com

ISBN 978-604-309-997-3



9 786043 099973